UBND HUYỆN CƯ M'GAR

**TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NGUYỄN HUỆ**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

ĐẮK LẮK - 2023

UBND HUYỆN CƯM'GAR

**TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NGUYỄN HUỆ**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ**

 **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức danh, chức vụ** | **Nhiệm vụ** | **Chữ ký** |
| 1 | Lê Hoài Sơn | Hiệu trưởng | Chủ tịch HĐ |  |
| 2 | Lê Thị Vân Hải | Chủ tịch CĐ | Phó chủ tịch HĐ  |  |
| 3 | Võ Thị Lan | Thư viện | Thư ký |  |
| 4 | Trần Thị Hương Mai | Tổ trưởng CM | Ủy viên HĐ |  |
| 5 | Nguyễn Thị Phương Ánh | Tổ trưởng CM | Ủy viên HĐ |  |
| 6 | Nguyễn Thị Thu Năm | Tổ trưởng tổ Văn phòng | Ủy viên HĐ |  |
| 7 | Nguyễn Sỹ Hợi | Tổ trưởng CM | Ủy viên HĐ |  |
| 8 | Đỗ Thị Thơ | Tổ trưởng CM | Ủy viên HĐ |  |
| 9 | Lê Thị Thao | Nhân Viên | Ủy viên HĐ |  |
| 10 | Đặng Thanh Tịnh | Giáo viên | Ủy viên HĐ |  |

ĐẮK LẮK - 2023

**MỤC LỤC**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **Trang** |
| **Mục lục** |  |
| **Danh mục các chữ viết tắt** | **4** |
| **Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá** | **5** |
| **Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU** | **7** |
| **Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ** |  |
| **A. ĐẶT VẤN ĐỀ** | **13** |
| **B. TỰ ĐÁNH GIÁ** | **15** |
| **I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3** | **15** |
| **Tiêu chuẩn 1** | **16** |
| **Mở đầu** | **16** |
| **Tiêu chí 1.1** | **16** |
| **Tiêu chí 1.2** | **18** |
| **Tiêu chí 1.3** |  |
| **Tiêu chí 1.4** | **21** |
| **Tiêu chí 1.5** | **23** |
| **Tiêu chí 1.6** | **25** |
| **Tiêu chí 1.7** | **27** |
| **Tiêu chí 1.8** | **28** |
| **Tiêu chí 1.9** | **29** |
| **Tiêu chí 1.10** | **31** |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 1*** | **32** |
| **Tiêu chuẩn 2** | **34** |
| **Mở đầu** | **34** |
| **Tiêu chí 2.1** | **34** |
| **Tiêu chí 2.2** | **36** |
| **Tiêu chí 2.3** | **38** |
| **Tiêu chí 2.4** | **40** |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 2*** | **42** |
| **Tiêu chuẩn 3** | **44** |
| **Mở đầu** | **44** |
| **Tiêu chí 3.1** | **44** |
| **Tiêu chí 3.2** | **45** |
| **Tiêu chí 3.3** | **46** |
| **Tiêu chí 3.4** | **48** |
| **Tiêu chí 3.5** | **49** |
| **Tiêu chí 3.6** | **51** |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 3*** | **52** |
| **Tiêu chuẩn 4** | **54** |
| **Mở đầu** | **54** |
| **Tiêu chí 4.1** | **54** |
| **Tiêu chí 4.2** | **56** |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 4*** | **59** |
| **Tiêu chuẩn 5** | **59** |
| **Mở đầu** | **59** |
| **Tiêu chí 5.1** | **59** |
| **Tiêu chí 5.2** | **62** |
| **Tiêu chí 5.3** | **64** |
| **Tiêu chí 5.4** | **66** |
| **Tiêu chí 5.5** | **67** |
| **Tiêu chí 5.6** | **70** |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 5*** | **73** |
| **II. TỰ ĐÁNH GIÁ MỨC 4**  | **74** |
| **Khoản 1, điều 22** | **74** |
| **Khoản 2, điều 22** | **75** |
| **Khoản 3, điều 22** | **75** |
| **Khoản 4, điều 22** | **76** |
| **Khoản 5, điều 22** | **77** |
| **Khoản 6, điều 22** | **77** |
| ***Kết luận*** | **78** |
| **Phần III. KẾT LUẬN CHUNG** | **78** |
| **Phần IV. PHỤ LỤC** | **81** |

**DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Cụm từ viết tắt** | **Cụm từ đầy đủ** |
| 1 | ✔ | Mặc nhiên đạt mức 3 khi tiêu chí đạt mức 2. |
| 2 | BGDĐT | Bộ giáo dục đào tạo |
| 4 | CBQL | Cán bộ quản lý |
| 5 | CLGD | Chất lượng giáo dục |
| 6 | CMHS | Cha mẹ học sinh |
| 7 | CNTT | Công nghệ thông tin |
| 8 | CSVC | Cơ sở vật chất |
| 9 | CTCĐ | Chủ tịch công đoàn |
| 10 | CM | Chuyên môn |
| 11 | GDNGLL | Giáo dục ngoài giờ lên lớp |
| 12 | GV | Giáo viên |
| 13 | GVCN | Giáo viên chủ nhiệm |
| 14 | H | Hộp |
| 15 | HS | Học sinh |
| 16 | KĐCLGD | Kiểm định chất lượng giáo dục |
| 17 | NV | Nhân viên |
| 18 | PHT | Phó hiệu trưởng |
| 19 | PTCS | Phổ thông cơ sở |
| 20 | QĐ | Quyết định |
| 21 | SKKN | Sáng kiến kinh nghiệm |
| 22 | TDTT | Thể dục thể thao |
| 23 | THCS | Trung học cơ sở |
| 24 | THPT | Trung học phổ thông |
| 25 | TNCS | Thanh niên cộng sản |
| 26 | TNTP | Thiếu niên tiền phong |
| 27 | TT | Thông tư |
| 28 | UBND | Ủy ban nhân dân |

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ**

**1. Kết quả đánh giá**

**1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chuẩn,****tiêu chí** | **Kết quả** |
| **Không đạt** | **Đạt** |
| **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| **Tiêu chuẩn 1** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 1.1 |  | X | X | Không đạt |
| Tiêu chí 1.2 |  | X | X | ✔ |
| Tiêu chí 1.3 |  | X | X | Không đạt |
| Tiêu chí 1.4 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 1.5 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 1.6 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 1.7 |  | X | X | ✔ |
| Tiêu chí 1.8 |  | X | X | ✔ |
| Tiêu chí 1.9 |  | X | X | ✔ |
| Tiêu chí 1.10 |  | X | X | ✔ |
| **Tiêu chuẩn 2** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 2.1 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 2.2 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 2.3 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 2.4 |  | X | X | X |
| **Tiêu chuẩn 3** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 3.1 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 3.2 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 3.3 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 3.4 |  | X | X | ✔ |
| Tiêu chí 3.5 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 3.6 |  | X | X | X |
| **Tiêu chuẩn 4** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 4.1 |  | X | X | Không đạt |
| Tiêu chí 4.2 |  | X | X | X |
| **Tiêu chuẩn 5** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 5.1 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 5.2 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 5.3 |  | X | X | ✔ |
| Tiêu chí 5.4 |  | X | X | ✔ |
| Tiêu chí 5.5 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 5.6 |  | X | X | Không đạt |

**Kết quả:** Đạt mức 2

**1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Kết quả** | **Ghi chú** |
| **Đạt** | **Không đạt** |  |
| Tiêu chí 1 |  | X |  |
| Tiêu chí 2 |  | X |  |
| Tiêu chí 3 | X |  |  |
| Tiêu chí 4 |  | X |  |
| Tiêu chí 5 |  | X |  |
| Tiêu chí 6 |  | X |  |

**Kết quả:** Không đạt Mức 4

**2. Kết luận: Trường đạt mức** **2**

**Phần I**

**CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tên trường (theo quyết định mới nhất): Trường THCS Nguyễn Huệ.

Tên trước đây (nếu có): Trường PTCS Nguyễn Huệ.

Cơ quan chủ quản: Phòng GDĐT huyện Cư M'gar.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương | ĐẮK LẮK |  | Họ và tênHiệu trưởng | Lê Hoài Sơn |
| Huyện/quận /thị xã / thành phố | Huyện Cư M'gar |  | Điện thoại  | 0918646848 |
| Xã / phường/thị trấn | Xã Ea M'nang |  | Fax |  |
| Đạt CQG | Đạt mức 1 |  | Website | http://nguyenhue.pgddtcumgar.edu.vn |
| Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập) | 2004 |  | Số điểm trường |  |
| Công lập | √ |  | Loại hình khác  |  |
| Tư thục |  |  | Thuộc vùng khó khăn |  |
| Trường chuyên biệt |  |  | Thuộc vùng đặc biệt khó khăn |  |
| Trường liên kết với nước ngoài |  |  |  |  |

**1. Số lớp học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số lớp học** | **Năm học2019 - 2020** | **Năm học2020 - 2021** | **Năm học2021 - 2022** | **Năm học2022 - 2023** | **Năm học2023 - 2024** |
| Khối lớp 6 | 4 | 5 | 3 | 4 | 4 |
| Khối lớp 7 | 4 | 4 | 5 | 3 | 4 |
| Khối lớp 8 | 4 | 3 | 4 | 5 | 3 |
| Khối lớp 9 | 4 | 4 | 3 | 3 | 4 |
| **Cộng** | 16 | 16 | 15 | 15 | 15 |

**2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học2019 - 2020** | **Năm học2020 - 2021** | **Năm học2021 - 2022** | **Năm học2022 - 2023** | **Năm học2023 - 2024** | **Ghi chú** |
| **I** | Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập | 17 | 17 | 17 | 17 | 17 |  |
| 1 | Phòng học | 17 | 17 | 17 | 17 | 17 |  |
| a | Phòng kiên cố | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 9 | 9 | 9 | 9 | 9 |  |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 2 | Phòng học bộ môn | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 |  |
| a | Phòng kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 |  |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 3 | Khối phục vụ học tập | 17 | 17 | 17 | 17 | 17 |  |
| a | Phòng kiên cố | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 9 | 9 | 9 | 9 | 9 |  |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| **II** | Khối phòng hành chính-quản trị | 3 | 3 | 0 | 3 | 3 |  |
| 1 | Phòng kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 3 | 3 | 0 | 3 | 3 |  |
| 3 | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| **III** | Thư viện | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |  |
| **IV** | Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
|  | Cộng | 28 | 28 | 28 | 28 | 28 |  |

**3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

 a) Số liệu tại thời điểm TĐG:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tổng số** | **Nữ** | **Dân tộc** | **Trình độ đào tạo** | **Ghi chú** |
| Chưa đạt chuẩn | Đạt chuẩn | Trên chuẩn |
| Hiệu trưởng | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 |  |
| Phó hiệu trưởng | 1 | 1 | 0 | 0 | 1 | 0 |  |
| Giáo viên | 31 | 21 | 2 | 0 | 31 | 0 |  |
| Nhân viên | 6 | 5 | 0 | 1 | 0 | 2 |  |
| **Cộng** | 39 | 27 | 2 | 1 | 32 | 3 |  |

 b) Số liệu của 5 năm gần đây:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học2019 - 2020** | **Năm học2020 - 2021** | **Năm học2021 - 2022** | **Năm học2022 - 2023** | **Năm học2023 - 2024** |
| 1 | Tổng số giáo viên | 32 | 32 | 32 | 32 | 31 |
| 2 | Tỷ lệ giáo viên/lớp | 2 | 2 | 2 | 2 | 2.06 |
| 3 | Tỷ lệ giáo viên/học sinh | 0.069 | 0.064 | 0.066 | 0.062 | 0.056 |
| 4 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có) | 5 | 0 | 2 | 0 | 1 |
| 5 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có) | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 |
| 6 | Các số liệu khác (nếu có) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

**4. Học sinh**

 a) Số liệu chung

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học2019 - 2020** | **Năm học2020 - 2021** | **Năm học2021 - 2022** | **Năm học2022 - 2023** | **Năm học2023 - 2024** | **Ghi chú** |
| 1 | Tổng số học sinh | 459 | 495 | 493 | 516 | 548 |  |
| *- Nữ* | 227 | 244 | 234 | 256 | 274 |  |
| *- Dân tộc* | 58 | 72 | 70 | 72 | 72 |  |
| *- Khối lớp 6* | 120 | 170 | 109 | 148 | 156 |  |
| *- Khối lớp 7* | 104 | 118 | 169 | 107 | 153 |  |
| *- Khối lớp 8* | 106 | 104 | 116 | 153 | 96 |  |
| *- Khối lớp 9* | 129 | 103 | 99 | 108 | 143 |  |
| 2 | Tổng số tuyển mới | 120 | 170 | 109 | 148 | 156 |  |
| 3 | Học 2 buổi/ngày | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 4 | Bán trú | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 5 | Nội trú | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 6 | Bình quân số học sinh/lớp | 28.7 | 30.9 | 32.86 | 34.4 | 36.5 |  |
| 7 | Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% |  |
| *- Nữ* | 227 |  | 0 | 0 | 274 |  |
| *- Dân tộc thiểu số* | 58 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 8 | Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có) | 11 | 8 | 0 | 21 | 6 |  |
| 9 | Tổng số học sinh giỏi cấp quốc gia (nếu có) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 10 | Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách | 0 | 70 | 25 | 32 | 94 |  |
| *- Nữ* | 0 | 0 | 10 | 15 | 0 |  |
| *- Dân tộc thiểu số* | 58 | 28 | 13 | 14 | 0 |  |
| 11 | Tổng số học sinh có hoàn cảnh đặc biệt | 0 | 5 | 0 | 0 | 0 |  |
|  | Các số liệu khác (nếu có) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |

 b) Kết quả giáo dục

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số liệu** | **Năm học2019 - 2020** | **Năm học2020 - 2021** | **Năm học2021 - 2022** | **Năm học2022 - 2023** | **Năm học2023 - 2024** | **Ghi chú** |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi | 10 | 8.88 | 7.9 | 5.81 | 10.49 |  |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại khá | 47.7 | 41.9 | 4.1 | 37.2 | 41.96 |  |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém | 3.27 | 2.69 | 0.93 | 4.65 | 47.55 |  |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt | 86.7 | 87 | 88.9 | 85.5 | 83.92 |  |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá | 13.1 | 13 | 11.1 | 14 | 11.89 |  |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình | 0.22 | 0 | 0 | 0.58 | 4.2 |  |

**Phần II**

**TỰ ĐÁNH GIÁ**

**A. ĐẶT VẤN ĐỀ**

**1. Thông tin chung về trường THCS Nguyễn Huệ**

Trường THCS Nguyễn Huệ xã Ea M’nang, huyện Cư M’gar, tỉnh Đắk Lắk, tiền thân là trường PTCS Nguyễn Huệ, trường được mang tên người anh hùng áo vải Quang Trung - Nguyễn Huệ. Trường được thành lập năm 1986, toạ lạc trên địa bàn thôn 3, xã Ea M’nang, cách trung tâm huyện 12 km về phía Nam; có tổng diện tích khuôn viên là 11398.6m2. Trường có cổng, biển trường và có tường rào bao bọc kiên cố, trong sân và xung quanh trường được che mát bởi nhiều cây xanh, trường còn có nhiều bồn hoa, cây cảnh với không gian thoáng mát, tạo nên một quang cảnh môi trường xanh, sạch, đẹp. Trường ở vị trí trung tâm của xã thuận tiện trong việc đi lại thực hiện các nhiệm vụ công tác của Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên(CBQL, GV, NV) và học tập của học sinh tại nhà trường.

Vào tháng 8 năm 2004, trường đã tách khối, lớp cấp Tiểu học và  được UBND huyện Cư M’gar ra quyết định thành lập trường THCS Nguyễn Huệ. Tháng 10 năm 2010, trường được UBND tỉnh công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia - giai đoạn 2001-2010. Tháng 12 năm 2015, trường được đoàn đánh giá ngoài của Sở GDĐT Đắk Lắk công nhận đạt chuẩn Kiểm định chất lượng giáo dục(KĐCLGD) mức độ 3. Đến năm 2021, trường THCS Nguyễn Huệ tiếp tục đón đoàn kiểm tra của Sở GDĐT Đắk Lắk đánh giá ngoài về công tác kiểm định chất lượng và trường chuẩn Quốc gia, kết quả trường đạt kiểm định chất lượng mức độ 2 và trường chuẩn Quốc gia mức độ 1 theo quyết định số 520/UBND tỉnh Đắk Lắk, ban hành ngày 28 tháng 02 năm 2022.

Trường THCS Nguyễn Huệ từ khi thành lập cho đến nay với sự cố gắng nỗ lực không ngừng của tập thể CBQL, GV, NV và học sinh đã từng bước đáp ứng và khẳng định được uy tín, chất lượng giáo dục. Nhà trường đã xây dựng được đội ngũ giáo viên có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ. Đội ngũ lãnh đạo, giáo viên và nhân viên có phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống tốt, tâm huyết với nghề dạy học, hết lòng vì sự nghiệp giáo dục thế hệ trẻ, có năng lực chuyên môn vững vàng, tinh thần trách nhiệm cao, có bề dày kinh nghiệm, đoàn kết gắn bó, thống nhất.

Đa số các em học sinh của trường chăm ngoan, có ý thức vươn lên trong học tập. Trong những năm qua, trường có học sinh đạt học sinh giỏi cấp huyện, cấp tỉnh. Tỷ lệ chất lượng giáo dục hai mặt được duy trì ổn định; Tỷ lệ tốt nghiệp THCS đạt 100%.

Nhà trường có tổ chức chi bộ đảng gồm 19 đảng viên, Chi bộ nhiều năm liên tục đạt Chi bộ trong sạch vững mạnh và luôn giữ vững vai trò hạt nhân lãnh đạo của nhà trường. Các tổ chức khác như: Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Đội TNTP Hồ Chí Minh, Ban đại diện CMHS đều hoạt động tích cực cùng nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ. Ban đại diện CMHS hoạt động tích cực, góp phần cùng với nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Trong những năm qua, trường luôn tổ chức thực hiện tốt các phong trào thi đua và các cuộc vận động lớn của ngành, cuộc vận động thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ chính trị về "*Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*”; phong trào “*Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”*, đặc biệt là thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW *“về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”*. Trường THCS Nguyễn Huệ đã quan tâm đến công tác nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên, ứng dụng CNTT, nhằm đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá học sinh, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, các trang thiết bị, đồ dùng dạy học nhằm nâng cao hiệu quả giờ dạy. Thực hiện nghiêm túc chương trình kế hoạch giáo dục, kế hoạch bài dạy, các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động hướng nghiệp, trải nghiệm sáng tạo, các phong trào văn hoá - văn nghệ, TDTT, nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Hầu hết viên chức trong nhà trường có khả năng ứng dụng CNTT trong quản lý và dạy học; kỹ năng sử dụng CNTT đang từng bước được cải thiện và mang lại những hiệu quả tích cực hơn đối với chất lượng giáo dục tại nhà trường.

Tập thể Sư phạm nhà trường luôn nỗ lực thi đua, nâng cao uy tín và chất lượng giáo dục toàn diện.

**2. Công tác kiểm định chất lượng giáo dục**

 Từ năm học 2021-2022 đến nay, nhà trường nắm bắt thực hiện sự chỉ đạo của cấp trên về công tác KĐCLGD, nhà trường đã nghiên cứu các văn bản chỉ đạo của bộ GD&ĐT, tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/08/2018 ban hành Quy định về KĐCLGD và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học; công văn hướng dẫn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28/12/2018 về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông.

 Nhà trường đã xác định tự đánh giá chất lượng giáo dục trong kiểm định chất lượng giáo dục sẽ tạo bước chuyển biến lớn về CLGD của nhà trường. Vì nếu nhà trường tự đánh giá CLGD theo các tiêu chuẩn được quy định tại các thông tư và văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT thì nhà trường mới có thể xác định được hiện trạng, những điểm mạnh, điểm yếu, xác định được kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục theo tiêu chí của mỗi tiêu chuẩn. Từ đó, nhà trường cam kết, từng bước phấn đấu thực hiện các biện pháp cải tiến chất lượng để nâng cao CLGD.

Mục đích của tự đánh giá là nhà trường tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện để đáp ứng các tiêu chí các tiêu chuẩn về CLGD do Bộ GDĐT ban hành. Nhằm xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn của nhà trường, thông báo công khai với các cơ quan quản lý và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục; để cơ quan chức năng đánh giá và công nhận nhà trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục từ đó không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Để báo cáo tự đánh giá đảm bảo tính chính xác, trung thực, khách quan, hội đồng tự đánh giá đã tiến hành đánh giá bằng nhiều phương pháp khác nhau, trong đó chủ yếu là bằng phương pháp khảo sát thực tế tất cả các mặt hoạt động của nhà trường liên quan đến nội dung bộ tiêu chí, thu thập thông tin minh chứng, so sánh, đối chiếu và phân tích các dữ liệu có liên quan... Trong quá trình tự đánh giá, nhà trường đã sử dụng nhiều công cụ khác nhau như: bộ tiêu chí quản lí chất lượng giáo dục của trường THCS để làm cơ sở cho việc tiến hành tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường, sử dụng máy vi tính, máy in, máy photocopy, mạng Internet, máy chụp hình... để thu thập thông tin, minh chứng và viết báo cáo tự đánh giá.

Ban lãnh đạo nhà trường nhận thức đúng đắn mục đích, ý nghĩa của việc kiểm định chất lượng giáo dục, đã triển khai công tác tự đánh giá theo đúng nội dung Thông tư số 42/2012/TT-BGDĐT ngày 23/11/2012; Hướng hẫn số 8987/ BGDĐT-KTKĐCLGD ngày 18/12/2012; công văn số: 46 /KTKĐCLGD-KĐPT V/v xác định yêu cầu, gợi ý tìm minh chứng theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường tiểu học và trường trung học của Bộ GD&ĐT; Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/08/2018 ban hành Quy định về KĐCLGD và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học; Công văn hướng dẫn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28/12/2018 về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông. Qua đó, cán bộ giáo viên, nhân viên nhà trường đã có nhận thức đúng đắn về mục đích của việc tự đánh giá. Trên cơ sở thông suốt về mặt nhận thức, nhà trường đã triển khai việc tự đánh giá chất lượng trong toàn trường. Để thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục đạt hiệu quả, nhà trường đã thành lập Hội đồng tự đánh giá với đầy đủ các thành phần gồm Chi bộ, Ban giám hiệu, tổ chuyên môn, phụ trách các tổ chức đoàn thể trong trường. Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục phân công cụ thể nhiệm vụ cho từng thành viên theo chức năng, năng lực mỗi người để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

 Thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường nhằm biết chất lượng đơn vị mình đang ở mức độ nào? Uy tín, độ tin cậy của nhà trường đối với cha mẹ học sinh, nhân dân địa với ngành đến đâu? Từ đó biết rõ thực trạng chất lượng giáo dục của trường để giải trình với các cơ quan chức năng, cơ quan cấp trên và đăng ký kiểm định chất lượng để được công nhận theo quy định.

**B. TỰ ĐÁNH GIÁ**

**I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3**

**Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường**

**Mở đầu:** Trường THCS Nguyễn Huệ có cơ cấu tổ chức bộ máy phù hợp với quy định tại Điều lệ trường trung học và các quy định của Bộ GDĐT. Nhà trường có đủ số lượng CBQL, các tổ chức đoàn thể như Đảng Cộng sản Việt Nam, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Đội TNTP Hồ Chí Minh, Công đoàn... Tất cả đều hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ trường trung học và luôn chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các quy định của địa phương và sự chỉ đạo của phòng GDĐT.

Nhà trường có tầm nhìn chiến lược trong việc xây dựng và phát triển, có môi trường đảm bảo an ninh trật tự, an toàn, thân thiện. Trong từng năm học, nhà trường đều có đầy đủ các tổ chức, có sự quản lý và thực hiện các hoạt động hiệu quả, góp phần quan trọng vào mục tiêu xây dựng nhà trường phát triển bền vững. Nhà trường xây dựng “Kế hoạch chiến lược phát triển GDĐT giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030”, phù hợp với mục tiêu giáo dục của bậc THCS để định hướng cho công tác giáo dục trong 5 năm và những năm tiếp theo nhằm đưa công tác giáo dục toàn diện từng bước phát triển, đồng thời đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp giáo dục trong giai đoạn mới, giữ vững thành quả chất lượng giáo dục của nhà trường, xứng đáng với lòng tin cậy của học sinh và nhân dân các dân tộc ở địa phương.

  Căn cứ vào tình hình thực tế, Hội đồng tự đánh giá của cơ sở giáo dục trường THCS Nguyễn Huệ xin báo cáo kết quả tự đánh giá của 10 tiêu chí trong tiêu chuẩn 1 với các nội dung cụ thể  như sau:

**Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường**

**Mức 1:**

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

 b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

 c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.

 **Mức 2:**

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

 **Mức 3:**

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

 **1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

 Nhà trường đã xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030 phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và phù hợp với các nguồn lực, điều kiện thực tế của nhà trường **[H1-1.1-01].**

 Phương hướng chiến lược phát triển nhà trường đã được Hội đồng trường thông qua **[H1- 1.1-01].**

 Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được công bố công khai bằng các hình thức niêm yết tại bảng tin nhà nhà trường và được đưa lên trang web riêng của đơn vị **[1.1-03].**

**Mức 2:**

 Nhà trường đã giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển được thể hiện thông qua Hội nghị cán bộ, viên chức và người lao động hằng năm và qua báo cáo tổng kết hằng năm **[H1-1.1-06];[H1-1.1-07].**

 **Mức 3:**

 Thông qua Hội nghị cán bộ, viên chức và người lao động hàng năm để thảo luận, góp ý, điều chỉnh xây dựng kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển nhà trường trong từng năm học đạt hiệu quả, đúng lộ trình.Tuy nhiên việc bổ sung điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển chưa có sự tham gia đóng góp của cha mẹ học sinh và cộng đồng **[H1-1.1-05]; [H1-1.1-07].**

 **2. Điểm mạnh**

 Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030 được xây dựng phù hợp với mục tiêu giáo dục bậc THCS được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường, được các cấp có thẩm quyền phê duyệt được công khai niêm yết ở bảng công khai và được đưa lên trang web riêng của đơn vị, được thông qua Hội nghị cán bộ, viên chức và người lao động thảo luận, góp ý.

**3. Điểm yếu**

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường chưa có sự tham gia đóng góp của cha mẹ học sinh và cộng đồng.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Tiếp tục xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục bậc THCS được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường. Thực hiện tốt công tác công khai niêm yết trên bảng tin và trang thông tin nhà trường để tất cả viên chức và người lao động cộng đồng biết, góp ý, xây dựng. Tiếp tục nghiên cứu, tìm ra giải pháp hiệu quả trong giám sát, kiểm tra; thực hiện rà soát nội dung chiến lược để bổ sung, điều chỉnh phù hợp phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2

**Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác**

Mức 1:

a) Được thành lập theo quy định;

 b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;

 c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

 Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

 **1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

 Nhà trường đã có quyết định thành lập Hội đồng trường theo Thông tư 12/2011/TT-BGDĐT về Điều lệ trường THCS,THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học và theo Điều 10 điều lệ trường trung học kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT và các hội đồng khác như: Hội đồng thi đua khen thưởng, hội đồng kỉ luật, hội đồng tư vấn **[H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04]; [H1-1.2-05].**

 Hội đồng trường và các hội đồng khác (hội đồng tư vấn, hội đồng thi đua khen thưởng, hội đồng kỉ luật) trong trường thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định, được thể hiện trong kế hoạch hoạt động, biên bản sinh hoạt của các hội đồng **[H1-1.2-01];[H1-1.2-02].** Tuy nhiên một số biên bản sinh hoạt các hội đồng chưa đầy đủ.

 Trong các cuộc họp Chi bộ và Hội đồng sư phạm nhà trường đều có đánh giá nhận xét hoạt động của các hội đồng về các mặt làm được và chưa làm được **[H1-1.1-07].**

**Mức 2:**

 Hội đồng trường và các hội đồng khác hoạt động tương đối hiệu quả, góp phần nâng cao CLGD học sinh của nhà trường được thể hiện qua báo cáo tổng kết và hồ sơ thi đua cuối năm học **[H1-1.1-06]; [H1-1.2-06].** Tuy nhiên, một số hội đồng chưa báo cáo cụ thể kết quả hoạt động của tổ chức mình.

 **2. Điểm mạnh**

 Nhà trường có đầy đủ các hội đồng như: Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng tư vấn, Hội đồng kỷ luật. Các hội đồng thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định. Các Hội đồng đã tổ chức thực hiện rà soát đánh giá các hoạt động nhằm nâng cao CLGD của nhà trường.

 **3. Điểm yếu**

 Một số nội dung hoạt động của các hội đồng chưa được thể hiện cụ thể qua các biên bản sinh hoạt dẫn đến kết quả hoạt động chưa đáp ứng đạt một số mục tiêu đề ra.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.**

 Hội đồng trường và các hội đồng tiếp tục phát huy hiệu quả hoạt động của mình. Trong những năm tới, nhà trường sắp xếp, bố trí công việc hợp lí để tạo điều kiện cho các thành viên trong Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng tư vấn... có thời gian tham gia hoạt động thực hiện chức năng, nhiệm vụ đạt hiệu quả cao hơn, góp phần thúc đẩy nhà trường phát triển bền vững hơn.

Phân công nhiệm vụ cụ thể các thành viên trong các hội đồng của nhà trường tăng cường công tác tự kiểm tra, giám sát góp phần thúc đẩy các thầy, cô trong nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ. Bồi dưỡng kỹ năng viết biên bản và viết báo cáo cho Thư ký các Hội đồng nhằm đánh giá và thể hiện đầy đủ các hoạt động của các Hội đồng nhằm nâng cao hơn nữa CLGD nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2.

**Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường**

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

 b) Hoạt động theo quy định;

 c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

 Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

 b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

 Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

 b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

 **1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

 Tại thời điểm tự đánh giá nhà trường có các tổ chức: Công đoàn, ĐTNCS Hồ Chí Minh, Đội thiếu niên TP HCM. Tổ chức công đoàn với 40 công đoàn viên, công đoàn trường trực thuộc Công đoàn huyện Cư M’gar, ban chấp hành công đoàn gồm 03 thành viên. Tổ chức ĐTNCS Hồ Chí Minh với 03 Đoàn viên trực thuộc Đoàn xã Ea M’nang, được thành lập theo Quyết định số: 04- QĐ/ĐTN ngày 12/10/2020 **[H2-1.3-01]; [H2-1.3-02].** Tuy nhiên việc thể hiện bằng văn bản còn thiếu (Quyết định thành lập công đoàn).

 Công đoàn, Đoàn thanh niên và các tổ chức xã hội khác trong nhà trường hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức, nhằm giúp nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục, thể hiện qua nghị quyết, kế hoạch hoạt động, biên bản kèm theo **[H2-1.3-07].**

 Hằng năm, các hoạt động của các tổ chức trong nhà trường được rà soát, đánh giá thông qua các cuộc họp đánh giá thi đua cuối năm và báo tổng kết của các đoàn thể

 **Mức 2:**

 Tại thời điểm tự đánh giá, nhà trường có tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, trực thuộc Đảng bộ xã Ea M’nang. Chi bộ có 18 Đảng viên, cấp ủy chi bộ có 03 người, gồm bí thư, phó bí thư và chi ủy viên, đủ cơ cấu theo quy định của Điều lệ Đảng Cộng Sản Việt Nam. Trong nhiều năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá Chi bộ nhà trường nhiều năm hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ **[H2-1.3-04];[H2-1.3-08].**

Cuối mỗi năm học qua rà soát đánh giá các tổ chức đoàn thể đều thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả công việc được giao, góp phần vào chất lượng giáo dục của nhà trường **[H1-1.1-06];[H2-1.3-07].**

**Mức 3:**

 Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, năm 2016, 2017, 2018 chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên **[H2-1.3-05]; [H2-1.3-08].** Tuy nhiên trong những năm gần đây trong chi bộ vẫn còn Đảng viên vi phạm sinh con thứ ba bị kỉ luật khiển trách.

 Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng **[H1-1.1-06]; [H2-1.3-07].**

**2. Điểm mạnh**

 Nhà trường có tổ chức Chi bộ trực thuộc Đảng bộ xã Ea M’nang, có các tổ chức đoàn thể: Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Đội TNTP Hồ Chí Minh. Các đoàn thể hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ của mình góp phần tích cực trong việc hoàn thành các chỉ tiêu, mục tiêu của Chiến lược phát triển giáo dục nhà trường và Kế hoạch nhiệm vụ công tác hàng năm; đóng góp tích cực vào thành tích chung của nhà trường.

**3. Điểm yếu**

 Sức chiến đấu của một số Đảng viên trong chi bộ đôi lúc còn chưa cao, vẫn còn tình trạng đảng viên vi phạm (03 đồng chí).

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tiếp tục phát huy vai trò lãnh đạo của Chi bộ đảng nhà trường, khẳng định là hạt nhân lãnh đạo toàn diện hoạt động của nhà trường và các tổ chức đoàn thể trong nhà trường. Khuyến khích sự tự chủ, sáng tạo trong hoạt động của Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Đội TNTP Hồ Chí Minh để tổ chức các hoạt động nhằm đưa phong trào thi đua của nhà trường ngày càng có hiệu quả, chất lượng giáo dục ngày càng đi lên

**5.** **Tự đánh giá:** Đạt mức 2

**Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng**

Mức 1:

a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;

 b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;

 c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

 Mức 2:

a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;

 b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

 Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;

 b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

 **1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

 Nhà trường hiện có 01 Hiệu trưởng và 01 Phó hiệu trưởng theo đúng thông tư liên tịch số 35/2006/TTTL-BGDĐT-BNV hướng dẫn định mức biên chế viên chức ở các cơ sở giáo dục phổ thông trung học ban hành ngày 23/08/2006 **[H2-1.4-01].**

 Vào đầu mỗi năm học, nhà trường ban hành quyết định bổ nhiệm các Tổ trưởng chuyên môn, hiện có các tổ như: Tổ Toán- Tin, Tổ Văn – Lịch sử- Địa Lý- Giáo Dục Công Dân, Tổ KHTN, Tổ Nghệ thuật- Tiếng Anh- Giáo Dục Thể Chất, Tổ hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp và Tổ văn phòng **[H2-1.4-02].**

 Tổ CM, Tổ văn phòng đều làm việc dựa trên kế hoạch hoạt đã vạch ra và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ trường trung học ( Thông tư 12/2011/TT-BGDĐT và Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 ban hành Điều lệ trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học) **[H2-1.4-03].**

 **Mức 2:**

 Hàng năm, căn cứ vào các văn bản hướng dẫn nhiệm vụ năm học của Sở GDĐT, Phòng GDĐT, căn cứ Kế hoạch năm học và chỉ tiêu công tác chung của toàn trường, các tổ chuyên môn thực hiện xây dựng kế hoạch hoạt động riêng cho tổ mình để triển khai cho thành viên trong tổ xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân. Các tổ chuyên môn thực hiện ít nhất 2 chuyên đề lĩnh vực CM có tác dụng nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục toàn diện **[H2-1.4-04].**

 Một tháng 2 lần, tổ chuyên môn và văn phòng tổ chức sinh hoạt nhằm đánh giá hoạt động đã làm, đề ra nhiệm vụ trong thời gian tới, trên cơ sở đó đề xuất những biện pháp khắc phục hiệu quả, phát huy tính tích cực để nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục, góp phần đưa nhà trường đi lên. Tuy nhiên, nhân viên văn thư tuổi cao, trình độ CNTT còn hạn chế nên làm việc chưa thực sự hiệu quả **[H2-1.4-03].**

 **Mức 3:**

Hoạt động của tổ Chuyên môn có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường. Việc xây dựng các chuyên đề, các buổi thảo luận nghiên cứu bài học, những tiết dự giờ thăm lớp thường xuyên giúp giáo viên học hỏi, chia sẽ kinh nghiệm lẫn nhau, nhằm nâng cao năng lực chuyên môn và nắm chắc phương pháp các bộ môn .Tổ Văn phòng có nhiều đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường **[H1-1.1-06]; [H2-1.4-04];[H2-1.4-05].**

 Mỗi tháng, mỗi học kỳ; các tổ CM xây dựng kế hoạch, thảo luận thống nhất và tổ chức thực hiện hiệu quả các chuyên đề CM góp phần vào công tác nâng cao CLGD của mỗi năm học **[H2-1.4-03]; [H2-1.4-04].**

Tuy nhiên việc sinh hoạt tổ chuyên mônchưa thật sáng tạo, phong phú còn nặng về sinh hoạt hành chính. Việc sinh hoạt CM theo hướng nghiên cứu bài học chưa đảm bảo sự đồng bộ, thường xuyên ở các bộ môn.

 **2. Điểm mạnh**

 Theo Điều lệ trường trung học, với cơ số lớp là 15, hiện trường có 01 Hiệu trưởng, 01 Phó hiệu trưởng, 05 Tổ CM và Tổ văn phòng theo quy định. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn. Các tổ trưởng CM đều là những GV đã đạt thành thích trong các Hội thi GV dạy giỏi cấp huyện, cấp tỉnh  nhiều năm liền.

 Công tác quản lý, chỉ đạo thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ đề ra đạt hiệu quả khá cao. Các tổ chủ động trong việc xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể theo tháng và năm học. Các Tổ chuyên môn, Tổ văn phòng hoạt động có chất lượng, hoàn thành tốt nhiệm vụ. Tổ chuyên môn sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học đúng quy định.

**3. Điểm yếu**

 Đối với CBQL, việc xây dựng kế hoạch giáo dục hằng năm chưa sát với tình hình thực tế của nhà trường, nên một số chỉ tiêu chưa phù hợp và không đạt.

Nội dung sinh hoạt tổ CM chưa thật sáng tạo, phong phú còn nặng về sinh hoạt hành chính. Việc sinh hoạt CM theo hướng nghiên cứu bài học chưa đảm bảo sự đồng bộ, thường xuyên ở các bộ môn.

 Tổ văn phòng, công tác lưu trữ của bộ phận văn thư vẫn chưa đảm bảo, khoa học.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Cần rà soát, điều chỉnh, bổ sung lại kế hoạch giáo dục mỗi năm học cho phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường và trình cấp trên phê duyệt.

Cần xây dựng Kế hoạch, tổ chức thực hiện có chất lượng các buổi sinh hoạt CM theo hướng nghiên cứu bài học ở đồng bộ các môn học. Mỗi tổ CM có triển khai cụ thể các nội dung, biện pháp cụ thể hơn trong việc bồi dưỡng CM, nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng ứng dụng CNTT cho các thành viên trong tổ.

Trong các buổi họp CM cần có kế hoạch cụ thể, nhấn mạnh nội dung trọng tâm, trao đổi thảo luận kỹ hơn, cụ thể hơn về các nội dung nhằm nâng cao năng lực CM cho giáo viên; nâng cao chất lượng kết quả học tập của HS.

Đối với tổ văn phòng, cần thường xuyên được tổ chức các cuộc tập huấn về CNTT, tham dự các lớp bồi dưỡng để nâng cao nghiệp vụ cho nhân viên của trường.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Tiêu chí 1.5: Lớp học**

Mức 1:

a) Có đủ các lớp của cấp học;

 b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;

 c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

 Mức 2:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định.

 Mức 3:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

 Năm học 2023-2024, trường THCS Nguyễn Huệ có 548 HS, chia thành 15 lớp, gồm: 04 lớp 6, 04 lớp 7; 03 lớp 8; 04 lớp 9 **[H3-1.5-01]; [1.5-02]; [H3-1.5-05].**

 Đầu năm học, nhà trường biên chế sĩ số học sinh phù hợp với thực tế và đảm bảo đúng Điều lệ trường, mỗi lớp có ban cán sự gồm: 01 lớp trưởng, từ 02 lớp phó trở lên( lớp phó học tập, lớp phó văn thể mĩ hoặc lớp phó lao động) do tập thể lớp bầu ra vào đầu năm học. Đa số Ban cán sự lớp đều hoạt động hiệu quả, góp phần khuyến khích phát triển khả năng cá nhân học sinh, hỗ trợ tích cực GVCN, GVBM trong công tác tổ chức dạy học; tuy nhiên, cũng còn Ban cán sự lớp hoạt động thiếu hiệu quả **[1.5-02]; [1.5-03].**

 Tổ trưởng, tổ phó do các thành viên trong tổ bầu lên theo nguyên tắc dân chủ, tổ trưởng có nhiệm vụ theo dõi đôn đốc việc chấp hành nội quy của lớp cũng việc học tập của các thành viên trong tổ. Mỗi lớp chia thành 03 đến 04 tổ; mỗi tổ không quá 12 học sinh. Đa số các em đều ngoan, chấp hành tốt nội quy của trường và quy định của tập thể lớp, có ý thức học tập và tinh thần đoàn kết, tương trợ. Bên cạnh đó, do ở tuổi thiếu niên, chưa chín chắn trong suy nghĩ nên có học sinh chưa chấp hành tốt nội quy. Tổ tư vấn nhà trường kịp thời tổ chức tư vấn và hỗ trợ các em nhận ra sai lầm và hoàn thiện bản than **[H3-1.5-01]; [1.5-02]; [1.5-03].**

 **Mức 2:**

 Nhà trường có không quá 45 lớp, sĩ số HS trong lớp đúng theo quy định điều 15 Điều lệ trường trung học là không quá 45 học sinh **[1.5-05].**

 **Mức 3:**

 Năm học 2023-2024, trường THCS Nguyễn Huệ có tổng số lớp là 15 lớp, gồm: 04 lớp 6, 04 lớp 7; 03 lớp 8; 04 lớp 9, mỗi lớp không quá 37 học sinh **[1.5-04]**; **[1.5-05].**

 **2. Điểm mạnh**

 Ở mỗi năm học, nhà trường luôn đảm bảo thực hiện đúng quy định về biên chế số lớp học và số HS trong mỗi lớp. Đầu năm, mỗi lớp bầu ra ban cán sự lớp gồm 01 lớp trưởng, ít nhất 02 lớp phó, mỗi lớp được chia thành 04 tổ, mỗi tổ không quá 12 học sinh. Hầu hết các em học sinh chăm ngoan, luôn có ý thức chấp hành kỷ luật các nội quy và quy định của nhà trường. Ban cán sự lớp, các tổ trưởng và tổ phó thực hiện tích cực, hiệu quả chức trách nhiệm vụ do GVCN, GV bộ môn và Tổng phụ trách Đội TNTP Hồ Chí Minh hướng dẫn.

 HS được học theo chương trình của Bộ GDĐT quy định, trong quá trình giảng dạy GV luôn thực hiện việc lồng ghép giáo dục kĩ năng sống, liên hệ thực tiễn giáo dục ý thức, thái độ của HS, thực hiện đầy đủ chương trình dạy trẻ em khuyết tật. Mặt khác, trường ở gần khu dân cư thuận tiện cho các em đi lại.

**3. Điểm yếu**

Việc tổ chức các hoạt động cho lớp học chất lượng chưa cao do nhiều nguyên nhân: do ý thức thiếu tự giác, quá trình đào tạo từ các lớp dưới của HS; phương tiện, thiết bị, điều kiện dạy học chưa đồng bộ; do kinh nghiệm, kiến thức, phương pháp và lòng nhiệt tình của đội ngũ…

Hoạt động tự quản của học sinh đôi lúc hiệu quả chưa cao.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo, nhà trường sẽ phát huy những điểm mạnh và tăng cường khắc phục những hạn chế để từng bước nâng cao chất lượng giáo dục cụ thể :

Cán bộ quản lí xây dựng và chỉ đạo xây dựng các kế hoạch chi tiết cụ thể hợp lí, tổ chức thực hiện và kiểm tra đánh giá sát sao tới các tổ CM, đối với từng CBQL, GV, NV.

Phát huy vai trò của tổ chức Đoàn THCS Hồ Chí Minh, Đội TNTP Hồ Chí Minh trong việc giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sông cho học sinh. Đẩy mạnh hoạt động của tổ Tư vấn tâm lý học đường, tổ chức các buổi nói chuyện về lối sống đẹp, nâng cao ý thức công dân, kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của các em học sinh, đặc biệt các em học sinh cá tính mạnh để kịp thời tư vấn cho các em điều chỉnh hành vi, phòng ngừa vi phạm kỉ luật.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản**

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

 b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

 c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

 Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

 b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

 Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. **Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

 Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ đảm bảo đúng theo quy định như hồ sơ về quản lý hành chính,tài chính và tài sản, hồ sơ quản lý chuyên môn, sổ lưu trữ các văn bản đi và đến **[H3-1.6-01];[H3-1.6-06]; [1.6-07].**

 Hằng năm đều lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành **[1.6-02];[1.6-07].**

 Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục **[H3-1.6-06];[1.6-07].**

 **Mức 2:**

 Nhằm phát huy hiệu quả công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản, nhà trường đã đẩy mạnh ứng dụng CNTT như phần mềm Smas, hệ thống CSDL ngành, hệ thống quản lý PCGD, phần mềm quản lý tài chính, tài sản, tiền lương… Các bộ phận trong nhà trường đã dàn quen cới phương thức quản lý hiện đại nên công tác ứng dụng CNTT trong nhà trường được thực hiện nhịp nhàng, hiệu quả, giúp tiết kiệm thời gian, kinh phí, đồng thời tăng cường hiệu quả công tác quản lý **[1.6-04].**

 Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, vào năm 2022-2023, trường có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán **[H3-1.6-03].**

 **Mức 3:**

 Nhà trường có kế hoạch để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương như: kế hoạch trong công tác xã hội hóa giáo dục huy động các nguồn tài trợ, các nhà hảo tâm, thể hiện trong việc xây dựng phương hướng chiến lược phát triển của nhà trường. Mặc dù vậy, trong những năm gần đây nhà trường chưa xây dựng được các kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để phục vụ công tác xã hội hóa **[H3-1.1-01]; [H3-1.6-05].**

 **2. Điểm mạnh**

 Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định: lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và tiến hành tự kiểm tra công tác thu chi tài chính, quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung. Sử dụng phần mềm để quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

 **3. Điểm yếu.**

Nhà trường chưa xây dựng được kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, để huy động nguồn xã hội hóa giáo dục cho nhà trường; Trong năm 2022-2023, trường có vi phạm về công tác quản lý tài chính, hành chính.

 **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Duy trì và thực hiện tốt công tác lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản, công khai trong nhà trường. Thực hiện đúng quy định về công tác quản lý hành chính, tài chính nhà trường.

 Xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3.

**Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên**

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

 b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

 c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

 Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

 **1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

Hằng năm nhà trường thực hiện nghiêm túc việc lập kế hoạch bồi dưỡng CM nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, GV và NV. **[H4-1.7-01]; [H4-1.7-02]**

Nhà trường đã phân công, sử dụng, phân công nhiệm vụ đối với CBQL, GV và NV rõ ràng, phù hợp với sở trường và mang lại hiệu quả cao trong thực hiện các nhiệm vụ được giao. **[H4-1.7-04]**

 CBQL, GV và NV được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều lệ trường trung học (Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3 /2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành điều lệ trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 ban hành Điều lệ trường THCS, THPT và trường PT có nhiều cấp học) và các văn bản hiện hành khác. **[H4-1.7-05]; [H4-1.7-06]; [H1-1.1-09]**

 **Mức 2:**

 Nhà trường có các biện pháp để phát huy được năng lực của CBQL, GV và NV trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục. HT thực hiện phân công CM, nhiệm vụ phù hợp với năng lực, sở trường công tác của từng GV và NV. **[H4-1.7-07]**; **[H4-1.7-04]; [1.7-08].**

 **2. Điểm mạnh**

 Nhà trường luôn thực hiện kịp thời, đầy đủ việc lập kế hoạch bồi dưỡng CM nghiệp vụ cho GV, tổ chức các hội thi, các hoạt động ngoại khóa… sôi nổi. Bên cạnh đó, tạo mọi điều kiện thuận lợi để cho các GV, NV tham dự đạt hiệu quả các Hội thi do cấp huyện, cấp tỉnh tổ chức ở mỗi năm học. Xây dựng môi trường giáo dục lấy học sinh làm trung tâm và đạt được kết quả cao.

Việc thực hiện phân công sử dụng CBQL, GV và NV luôn cụ thể, rõ ràng, phát huy được khá hiệu quả năng lực, sở trường công tác của mỗi cá nhân dẫn đến hiệu quả mang lại khá cao.

**3. Điểm yếu**

 Trong giai đoạn hiện nay, nhà trường đã đủ chỉ tiêu biên chế. Tuy nhiên, còn tình trạng số GV biên chế ở các bộ môn chưa thật đồng đều dẫn đến việc phân công CM ở một số môn học như Toán, Vật lí còn bất cập.

 Một số ít GV còn ngại nghiên cứu, tự học, tự bồi dưỡng. Kỹ năng sử dụng CNTT phục vụ cho các hoạt động GD còn hạn chế, thiếu năng động, tích cực.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Tiếp tục xây dựng kế hoạch bồi dưỡng CM, nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, GV và NV. Tổ chức hội thi giáo viên giáo viên dạy giỏi, Hội thi làm và sử dụng đồ dùng dạy học tự làm... Thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng để phát huy tốt năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục. Tham mưu với các cấp lãnh đạo điều động thêm giáo viên bộ môn Toán.

 Đẩy mạnh việc tập huấn, đôn đốc thực hiện tự học, tự bồi dưỡng năng lực, tích cực nghiên cứu ứng dụng CNTT vào công tác giảng dạy và tổ chức các hoạt động GD.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2

**Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục**

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

 b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

 c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

 Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

 **1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

 Nhà trường có kế hoạch hoạt động giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, phù hợp với điều kiện thực tế địa phương và điều kiện nhà trường. **[H4-1.7-07]**

 Mỗi giáo viên có kế hoạch giáo dục đầy đủ, chi tiết từng tuần học theo sự phân công của CM. Nhà trường luôn đảm bảo chương trình theo quy định. Cuối năm có tổng kết và khen thưởng những cá nhân, tập thể xuất sắc. **[H4-1.7-06]; [H5-1.8-01]; [H5-1.8-02]**; **[H1-1.1-06]**

 Thực hiện rà soát, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch hoạt động giáo dục của nhà trường phù hợp với điều kiện thực tế, đảm bảo đúng quy định. **[H5-1.8-03]; [H5-1.8-05]**

 **Mức 2:**

 Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lí đánh giá đạt hiệu quả. Nhà trường tổ chức hoạt động dạy phụ đạo kiến thức theo đúng quy định của cấp trên. **[H5-1.8-03];** **[H5-1.1-06]**; **[H5-1.8-04]**

 **2. Điểm mạnh**

 Hàng năm, nhà trường có kế hoạch cụ thể, phân công CM khá hợp lý, phân công nhiệm vụ đến từng ban ngành. Kịp thời xây dựng kế hoạch điều chỉnh nội dung chương trình phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị và địa phương.

 Hầu hết các GV có tinh thần trách nhiệm, có năng lực, lên kế hoạch nhiệm vụ ngay đầu năm, dạy học đúng và đầy đủ chương trình theo quy định.

**3. Điểm yếu**

 Do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp nên việc tổ chức thực hiện các biện pháp, kế hoạch phụ đạo học sinh yếu, kém ở một số môn học chưa đồng bộ và hiệu quả chưa cao.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

  Tiếp tục thực hiện tốt kế hoạch giáo dục phù hợp, GV cần linh hoạt hơn nữa trong việc xây dựng kế hoạch, tổ chức giờ dạy để các hoạt động đạt hiệu quả cao hơn nữa, tạo điều kiện cho học sinh tiếp thu kiến thức được tốt hơn.

   Tăng cường kiểm tra, rà soát các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy và học.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2

**Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở**

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

 b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

 c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

 Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

 **1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

 Hằng năm, vào mỗi kì hội nghị viên chức và người lao động, giáo viên và nhân viên trong trường được tham gia thảo luận xây dựng phương hướng nhiệm vụ năm học và đưa ra các chỉ tiêu phấn đấu trong năm, đồng thời thảo luận xây dựng quy chế dân chủ trong nhà trường, tuy nhiên trong quá trình thảo luận vẫn còn một số ít giáo viên chưa mạnh dạn trong việc trao đổi ý kiến để góp phần hoàn thiện quy chế của đơn vị **[H6-1.9-01]; [H1-1.1- 07].**

 Các kế hoạch của nhà trường đề ra luôn được sự đồng thuận cao từ phía giáo viên, nhân viên cũng như phụ huynh học sinh, chế độ chính sách dành cho giáo viên, nhân viên cũng như học sinh luôn được đảm bảo vì vậy hằng năm không có các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, các vấn đề có liên quan được thể hiện qua báo cáo của Ban thanh tra nhân dân hàng năm **[H6-1.9-03].**

 Việc báo cáo thực hiện quy chế dân chủ được thực hiện đầy đủ, rõ ràng, minh bạch trong buổi hội nghị viên chức và người lao động. **[H6-1.9-04].**

 **Mức 2:**

 Nhà trường luôn có cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả, tạo được sự đồng thuận cao của toàn thể GVNV và PHHS **[H6-1.9-03].**

 **2. Điểm mạnh**

 Việc thực hiện quy chế dân chủ được công khai, minh bạch nên hằng năm nhà trường không có khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của cá nhân, tập thể trong và ngoài trường.

 Nội bộ GVNV có sự nhất trí cao, tạo mối đoàn kết thống nhất, vì vậy nhà trường luôn được đánh giá tích cực.

**3. Điểm yếu**

 Trong quá trình xây dựng quy chế dân chủ cũng như trong các cuộc họp vẫn còn một số ít giáo viên chưa thật sự mạnh dạn trong việc đóng góp xây dựng quy chế chung.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Động viên kịp thời tới những cá nhân, khuyến khích họ tham gia gia vào các hoạt động chung, mạnh dạn bày tỏ ý kiến của mình để góp phần hoàn thiện quy chế để tạo sự nhất trí cao trong nội bộ.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2

**Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học**

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo **an ninh trật tự**; **vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường**; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

 b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

 c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

 Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

 b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

 **1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

 Việc đảm bảo an ninh, an toàn trong nhà trường luôn được chú trọng, hằng năm các ban ngành phối hợp với nhau tổ chức các buổi rèn luyện kĩ năng như: an ninh trật tự; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; phòng, chống dịch bệnh; phòng chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong trường học, an toàn vệ sinh thực phẩm… nhằm hạn chế tối thiểu những tai nạn đáng tiếc xảy ra **[H1-1.1-07]**; **[H6-1.10-01]**; **[H6-1.10-02]**; **[H6-1.10-08]**; **[H6-1.10-09]**

 Nhà trường đã thiết lập các trang thông tin như: Email, Facebook, zalo… để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân. Phối hợp với chính quyền địa phương để đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường **[H6-1.10-03].**

 Trong các buổi sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp nhà trường phổ biến, tuyên truyền các nội dung nhằm giảm thiểu hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới, vì vậy trường luôn đảm bảo an toàn, bình đẳng, tôn trọng sự khác biệt ở các em **[H1-1.1-06].**

 **Mức 2:**

 Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; phòng, chống dịch bệnh; phòng chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong trường học đều đặn **[H6-1.10-01]; [H6-1.10-08]; [H6-1.10-09]**.

 Việc phối hợp nhịp nhàng giữa các ban ngành, kịp thời phát hiện và xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. **[H1-1.1-07]; [H6-1.10-02]; [H6-1.10-04]**

 **2. Điểm mạnh**

 Hằng năm nhà trường có thành lập Tổ tư vấn học đường. Có kế hoạch hoạt động, kịp thời xử lý các vụ việc liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn hiệu quả không để tình huống xấu xảy ra.

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong nhà trường được đảm bảo. Có sự phối hợp chặt chẽ với lực lượng bảo vệ của địa phương. Tổ chức chặt chẽ, khoa học, phối hợp được các lực lượng thường xuyên liên tục, không để xảy ra tình huống xấu.

**3. Điểm yếu**

 Trường nằm ở vị trí có các trục giao thông liên xã, liên huyện giữa xã Ea Bar, huyện Buôn Đôn, xã Cư Suê và xã Ea M’nang nên một số thanh niên hay tụ tập gây rối trật tự, ít nhiều có ảnh hưởng đến nhà trường.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Trong năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy các điểm mạnh trong việc đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho học sinh và cho giáo viên, nhân viên; phòng chống bạo lực học đường, phòng chống dịch bệnh, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, các tệ nạn xã hội trong trường.

 Đề xuất và phối hợp kịp thời với lực lượng Công an xã Ea M’nang, Ea Bar, Cư Suê khi có dấu hiệu vi phạm gây rối trật tự của một số thanh niên thiếu ý thức đối với giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2

**Kết luận** **về Tiêu chuẩn 1:**

Trường THCS Nguyễn Huệ có cơ cấu tổ chức, số lớp, số HS đúng theo quy định của Điều lệ trường trung học; có tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Đội TNTP Hồ Chí Minh và các Hội đồng, các tổ chức xã hội theo quy định. Nhà trường đã thực hiện tốt Nghị quyết của cấp ủy Đảng, chấp hành tốt sự quản lý hành chính của địa phương và luôn bám sát các văn bản của ngành; chấp hành sự chỉ đạo của Sở GDĐT Đắk Lắk và Phòng GDĐT huyện Cư M'gar, đồng thời chủ động tham mưu cho cấp uỷ Đảng và chính quyền địa phương về Kế hoạch giáo dục, cùng với các biện pháp cụ thể, lãnh đạo hoạt động của nhà trường theo mục tiêu và Kế hoạch giáo dục bậc THCS. Chiến lược phát triển nhà trường được xây dựng khá phù hợp với đặc điểm tình hình nhà trường, địa phương và các nguồn lực về nhân lực và tài chính. Trường đã quản lý tốt các hoạt động giáo dục, công tác tài chính và các phong trào thi đua. CBQL, GV và NV nhà trường luôn chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước.

Các bộ phận trong quá trình hoạt động đều có sự thống nhất, hỗ trợ lẫn nhau một cách tích cực. Điều đó đã làm nên sức mạnh to lớn, tạo đà cho nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ năm học.

Bên cạnh những mặt đạt được thì nhà trường vẫn còn tồn tại những điểm yếu cơ bản như : Việc định kì rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường chưa có sự tham gia, đóng góp của cha mẹ học sinh và cộng đồng; Sức chiến đấu của một số Đảng viên trong chi bộ đôi lúc còn chưa cao, vẫn còn tình trạng đảng viên vi phạm (03 đồng chí); Nội dung sinh hoạt tổ CM chưa thật sáng tạo, phong phú còn nặng về sinh hoạt hành chính. Việc sinh hoạt CM theo hướng nghiên cứu bài học chưa đảm bảo sự đồng bộ, thường xuyên ở các bộ môn; Tổ văn phòng, công tác lưu trữ của bộ phận văn thư vẫn chưa đảm bảo, khoa học; Nhà trường chưa xây dựng được kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, để huy động nguồn xã hội hóa giáo dục cho nhà trường; Trong quá trình xây dựng quy chế dân chủ cũng như trong các cuộc họp vẫn còn một số ít giáo viên chưa thật sự mạnh dạn trong việc đóng góp xây dựng quy chế chung; Trường nằm ở vị trí có các trục giao thông liên xã, liên huyện giữa xã Ea Bar, huyện Buôn Đôn, xã Cư Suê và xã Ea M’nang nên một số thanh niên hay tụ tập gây rối trật tự, ít nhiều có ảnh hưởng đến nhà trường.

 Với những ưu điểm và tồn tại được nêu ra trong quá trình tự đánh giá, nhà trường đã xây dựng kế hoạch cải tiến phù hợp để phát huy điểm mạnh và khắc phục hạn chế đang tồn tại.Trong 10 tiêu chí thuộc tiêu chuẩn 1, nhà trường tự đánh giá các tiêu chí đạt như sau:

***+ Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn: 10***

***+ Số tiêu chí đạt: 10***

***+ Số tiêu chí không đạt: 0***

* Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
	+ Không đạt: 0/10 tiêu chí chiếm 0 %
	+ Đạt Mức 1: 10/10 (10/10) tiêu chí chiếm 100 %
	+ Đạt Mức 2: 10/10 (10/10) tiêu chí chiếm 100 %
	+ Đạt Mức 3: 3/5 tiêu chí chiếm 60 %

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

**Mở đầu:** Nhà trường có đội ngũ CBQL, GV, NV đủ điều kiện và năng lực để triển khai tốt các hoạt động giáo dục mỗi năm học. CBQL có lối sống trong sáng, lành mạnh; có năng lực chuyên môn tốt, luôn tận tụy, nhiệt tình với công việc; có tinh thần tương trợ, giúp đỡ cho đội ngũ GV, NV ở mọi lĩnh vực. Đội ngũ CBQL, GV, NV của trường đều đạt chuẩn và trên chuẩn theo quy định, hàng năm đều được xếp loại từ khá trở lên theo chuẩn nghề nghiệp. Công tác bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn luôn được trau dồi nên số lượng giáo viên đạt GVDG cấp huyện, tỉnh hàng năm đều thu được kết quả cao. Tập thể CB, GV, NV trong trường nêu cao tinh thần tương thân tương ái, giúp đỡ, hỗ trợ, chia sẻ lẫn nhau những khó khăn trong công tác cũng như trong cuộc sống. Điều đó đã góp phần thúc đẩy mọi hoạt động giáo dục của nhà trường ngày một phát triển. Đại đa số HS ngoan và thực hiện tốt nội quy trường lớp. Nhà trường rất coi trọng việc đảm bảo quyền lợi và tạo những điều kiện tốt nhất cho các em phấn đấu học tập và rèn luyện.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

 a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;

 b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;

 c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

 Mức 2:

 a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;

 b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

 Mức 3:

 Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

 **1. Mô tả hiện trạng**

 **Mức 1:**

 Dựa trên cơ sở thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, THPT và trường phổ thông nhiều cấp học, quy định Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng phải đạt yêu cầu về trình độ đào tạo của nhà giáo và thời gian công tác theo quy định của Luật giáo dục trường phổ thông. Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng nhà trường trước khi được bổ nhiệm đều có bằng cấp theo yêu cầu **[1.7-08]** và đảm bảo đủ thời gian công tác trước khi được bổ nhiệm làm cán bộ quản lý **[H2-1.4-01].**

Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng nhà trường đều có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn, đã được bồi dưỡng sơ cấp và trung cấp lí luận chính trị, nghiệp vụ quản lí giáo dục **[H7-2.1-01].** Căn cứ vào Thông tư 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 07 năm 2018, hằng năm hiệu trưởng, Hiệu phó đều được đánh giá đạt chuẩn trở lên **[2.1-03]; [2.1-04].**

 **Mức 2:**

Trong nhiều năm liên tiếp tính từ thời điểm đánh giá, Hiệu trưởng của nhà trường đều được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên. Năm 2020, Hiệu trưởng trường được đánh giá đạt chuẩn ở mức khá **[2.1-04].**

Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng đã hoàn thành lớp bồi dưỡng sơ cấp và trung cấp lí luận chính trị, được bồi dưỡng nghiệp vụ quản lí giáo dục **[H7-2.1-01].** Trong quá trình công tác Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đều được được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm, thể hiện qua phiếu đánh giá chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của giáo viên, nhân viên hàng năm **[2.1-03].**

 **Mức 3:**

Từ năm học 2021-2022 đến nay, Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng của trường đều đạt chuẩn ở mức khá theo Quy định chuẩn hiệu trưởng **[2.1-04]**

**2. Điểm mạnh**

 Nhà trường có đội ngũ Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng đều đạt chuẩn trở lên về văn bằng chứng chỉ, được bồi dưỡng qua các lớp quản lí giáo dục, trung cấp lí luận chính trị, khả năng ứng dụng thành thạo CNTT trong công tác quản lí và giảng dạy và luôn được đội ngũ giáo viên, nhân viên tín nhiệm. Việc đánh giá chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng theo Thông tư 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 07 năm 2018 đều được thực hiện đúng nội quy quy định hằng năm.

Các cấp quản lý xây dựng kế hoạch chỉ đạo kịp thời, hiệu quả, tổ chức thực hiện kiểm tra đánh giá theo đúng quy chế góp phần quan trọng trong thành tích chung của nhà trường. Nội bộ viên chức trong  nhà trường luôn giữ mối đoàn kết cao.

**3. Điểm yếu**

 Mặc dù Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đã có những kế hoạch công tác cụ thể và triển khai quyết liệt, tuy nhiên giải pháp đột phá để nâng cao chất lượng giáo dục ở một số chỉ tiêu đề ra chưa đạt yêu cầu dẫn đến hiệu quả chưa cao.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Trong những năm tới, nhà trường chú trọng xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch giáo dục sát với tình hình thực tiễn của nhà trường, địa phương.

 Có kế hoạch tổ chức các lớp bồi dưỡng ngắn hạn, dài hạn cho cán bộ, giáo viên, nhân viên; tạo điều kiện để đội ngũ tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng không ngừng học hỏi kĩ năng quản lý để có kế hoạch tổ chức, sắp xếp công việc khoa học phù hợp nhằm đáp ứng cao nhất công tác giáo dục của nhà trường.

Cụ thể Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng cần chỉ đạo sát sao hơn công tác bồi dưỡng chuyên môn, đặc biệt là công tác bồi dưỡng đội ngũ giáo viên giỏi, học sinh giỏi để trường đạt kết quả ngày càng cao; nắm vững các văn bản chỉ đạo về chế độ chính sách, về quy chế chuyên môn để kịp thời giúp đỡ đội ngũ nhà giáo ngày càng tiến bộ, yên tâm công tác, cống hiến cho nghề.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

 a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;

 b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

 c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

 Mức 2:

 a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

 b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

 c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

 Mức 3:

 a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

 b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

 **1. Mô tả hiện trạng**

 **Mức 1:**

Vào đầu mỗi năm học, nhà trường dựa trên tình hình thực tế của đơn vị để cân đối biên chế đủ số lượng giáo viên, cơ cấu đều cho tất cả các môn học và được phân công giảng dạy theo đúng chuyên môn được đào tạo **[H7-2.2-01]**; **[H7-2.2-02]**.

Trong số GV được phân công nhiệm vụ tham gia giảng dạy, đa số đều đạt trình độ chuẩn đào tạo theo đúng chuyên môn, nghiệp vụ của mình, chiếm tỉ lệ 100% **[H7-2.2-02]**.

Trong 05 năm trở lại đây, bên cạnh sự chỉ đạo sát sao của CBQL, sự cố gắng nỗ lực học hỏi không ngừng của đội ngũ giáo viên trong công tác giảng dạy nên cuối mỗi năm học đều được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức đạt trở lên **[H7-2.1-05]**.

 **Mức 2:**

 Cùng với sự phát triển không ngừng của xã hội, vai trò của giáo dục cũng không ngừng đổi mới, vì vậy giáo viên cũng cố gắng trau dồi học tập để nâng cao trình độ của bản thân. Đó là minh chứng cho sự việc hằng năm số lượng giáo viên đăng kí tham gia đào tạo chuẩn trình độ được duy trì đều đặn, số lượng giáo viên học nâng cao trình độ đào tạo cũng không ngừng gia tăng **[H7-2.2-03]**; **[H7-2.2-04]** .

Tính từ thời điểm đánh giá (05 năm liên tiếp), nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá **[H7-2.1-05]**.

Hằng năm nhà trường triển khai đầy đủ kế hoạch hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp và hướng dẫn HS đi trải nghiệm cụ thể, chi tiết **[H7-2.2-10]**; **[H7-2.2-11]**. Tính từ năm 2017 đến nay, nhà trường tổ chức cho GV hướng dẫn HS tham gia nghiên cứu khoa học kĩ thuật đạt kết quả cấp huyện, tỉnh [**H7-2.2-05]**; **[H7-2.2-06]**.

Trong 05 năm liên tiếp, nhà trường không có giáo viên nào bị kỉ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên **[H7-2.2-03].**

 **Mức 3:**

Tính đến thời điểm đánh giá, toàn thể GV, NV nhà trường đều được đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên đạt mức khá là 81.25%, tốt là 6,25%. Không có GV nào xếp loại chưa đạt **[H7-2.1-05]**.

 Mỗi năm, nhà trường đều động viên GV tham gia viết báo cáo khoa học kĩ thuật và đạt kết quả cao **[H7-2.2-07]**.

 **2. Điểm mạnh**

 Nhà trường có đội ngũ giáo viên có trình độ đạt chuẩn 97.5%, trên chuẩn đạt 2,5 %, gồm có 39 đồng chí, trong đó cán bộ quản lý 02, có 01 CBQL trình độ thạc sĩ, giáo viên trực tiếp đứng lớp có 31 người, nhân viên 06 người. Chất lượng và trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp với Luật giáo dục mới.

Nhà trường đã cơ cấu đủ số lượng cho các môn. Hầu hết GV đều được phân công giảng dạy đúng chuyên môn được đào tạo. Luôn hoàn thành nhiệm vụ, không vi phạm quy chế chuyên môn và đạo đức nhà giáo.

 Đội ngũ giáo viên đa số là còn trẻ, năng nổ nhiệt tình trong công tác. Công đoàn, Tổng phụ trách đội và Bí thư đoàn năng nổ nhiệt tình tổ chức các phong trào trong đoàn viên, đội viên.

Hầu hết GV tham gia đầy đủ các buổi tập huấn do các ban ngành tổ chức, ngoài ra còn tự tìm tòi học hỏi các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Coi trọng việc sinh hoạt chuyên môn, lấy Tổ CM làm cơ sở để bồi dưỡng đội ngũ thông qua hội thảo, hội giảng, bồi dưỡng chuyên đề.

**3. Điểm yếu**

Một số GV tuổi cao gặp khó khăn trong việc ứng dụng CNTT và năng lực ngoại ngữ còn hạn chế.

Một số GV trẻ còn hạn chế về kinh nghiệm giảng dạy.

Nhiều GV trong diện hợp đồng, lương thấp còn chưa yên tâm công tác.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Kết hợp với Ban chấp hành Công đoàn phát động phong trào tự học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và tin học.

Nhà trường tạo điều kiện cho giáo viên được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, phấn đấu 100% GV trong nhà trường đạt kết quả từ trung bình trở lên khi tham gia bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ và lý luận chính trị. Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, động viên để đạt 100% giáo viên có trình độ đại học cho kịp thời với Luật giáo dục mới.

Tiếp tục tuyên truyền về quyền và nghĩa vụ của GV để CB,GV nhận thức đầy đủ hơn và thực hiện đúng theo qui định.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

 a) Có nhân viên và giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

 b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

 c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

 Mức 2:

 a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

 b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

 Mức 3:

 a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

 b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

 **1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

 Căn cứ vào tình hình thực tế, hằng năm nhà trường phân công chuyên môn, nhiệm vụ cho đội ngũ giáo viên nhân viên và đảm nhận thêm công tác kiêm nhiệm để đảm bảo mục tiêu và nhiệm vụ năm học đề ra **[H7-2.2-02]**; **[H7-2.2-08]**.

 Mỗi nhân viên được các cấp quản lý phân công nhiệm vụ phù hợp với năng lực, điều kiện thực tế của nhà trường. Cuối mỗi năm học, dựa vào kết quả tổng kết đánh giá, đa số nhân viên, giáo viên được nhà trường phân công làm công tác kiêm nhiệm đều hoàn thành nhiệm vụ được giao, bên cạnh đó một số NV cần tư vấn học hỏi thêm **[H7-2.2-09]**.

 **Mức 2:**

 Việc định mức hằng năm đều được các cấp thực hiện rất rõ ràng, minh bạch vì vậy số lượng và cơ cấu nhân viên luôn được đảm bảo theo đúng quy định **[H7-2.2-01]**.

 Được sắp xếp công việc phù hợp với năng lực công tác vì vậy trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên **[H7-2.2-03]**.

 **Mức 3:**

 Trong mỗi năm học, các nhân viên tích cực tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí được phân công. Đội ngũ nhân viên của trường được làm việc đúng với trình độ đào tạo, đáp ứng được vị trí việc làm **[H7-2.2-08]**.

 **2. Điểm mạnh**

 Để dáp ứng với môi trường giáo dục biến đổi không ngừng, bên cạnh đội ngũ giáo viên làm nòng cốt cho sự đổi mới, thì nhà trường luôn chú ý đến việc bồi dưỡng, trau dồi đội ngũ nhân viên. Hầu hết nhân viên trong trường đều có trình độ chuyên môn tương đối vững vàng, yên tâm công tác và rất chú trọng đến việc tự nghiên cứu nghiệp vụ của bản thân.

 Trường học từ 18 lớp trở lên có 6 nhân viên, đảm bảo theo nhóm công việc theo yêu cầu của Thông tư số 16/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ GDĐT về hướng dẫn danh mục khung ví trí việc làm và định mức số người làm việc trong các cơ sở giáo dục công lập. Nhờ sự sắp xếp khoa học, bố trí công việc hợp lý với từng cá nhân, ban ngành, cơ cấu đầy đủ các bộ phận theo quy định, nội bộ đoàn kết nhất trí cao nên cuối năm luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ.

  Đội ngũ quản lý nhiệt tình, trách nhiệm và tâm huyết với công việc, sự chỉ đạo hoạt động của tổ có tính khoa học cho nên các thành viên của tổ văn phòng hoàn thành tốt các công việc được giao.

 Đội ngũ nhân viên của trường được đảm bảo các quyền, phát huy dân chủ trong mọi hoạt động cuả nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Một số nhân viên tuổi đã cao, việc ứng dụng công nghệ thông tin còn hạn chế, chưa chịu khó học hỏi, trau dồi chuyên môn nghiệp vụ dẫn đến hiệu quả công việc chưa cao.

 **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Nhà trường bố trí sắp xếp cho NV tham gia vào các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ qua các đợt tổ chức của ngành. Chú trọng nâng cao trình độ CNTT cho nhân viên để hoàn thành tốt công việc.

Trưởng các ban ngành tăng cường góp ý, thúc đẩy tư vấn, hoạt động quản lý, xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm tra đánh giá theo đúng quy chế góp phần quan trọng trong thành tích chung của nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

 a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;

 b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;

 c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

 Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

 Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

 **1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

 Trường trung học cơ sở Nguyễn Huệ đáp ứng tương đối yêu cầu, quy định về độ tuổi học sinh theo học, trong đó có 1 em thuộc đối tượng HS khuyết tật vượt quá độ tuổi quy định của Điều lệ trường **[1.5-04]**

 Đầu mỗi năm học, trường đã tổ chức cho các em học tập nội quy, quy chế do Đội thiếu niên phụ trách, qui định rõ về quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của học sinh khi tham gia học tập, sinh hoạt ở trường, cơ bản các em ngoan, chấp hành tương đối nghiêm túc. **[H1-1.5-02]**

**Mức 2:**

Được sự phối hợp của các ban ngành như: Tổng phụ trách Đội TNTP, GVCN, ban Pháp chế… thực hiện việc phối, kết hợp kịp thời xử lý và có biện pháp giáo dục phù hợp đối với những HS vi phạm, có các biện pháp giáo dục phù hợp để có hướng chuyển biến tích cực **[H1-1.10-04]**; **[H1-1.10-05]**.

**Mức 3:**

 Hằng năm, nhà trường có HS đạt HSG các môn văn hóa, TDTT các cấp, HS năng khiếu ở các khối lớp, có tác động tích cực đến phong trào thi đua dạy tốt, học tốt của toàn trường **[H7-2.4-01]**.

 **2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã tuyển sinh đảm bảo đúng độ tuổi theo quy định độ tuổi của học sinh trong Điều lệ trường trung học (từ 11 tuổi vào học lớp 6). Tỉ lệ học sinh học đúng độ tuổi đạt 100%.

Đa số học sinh thực hiện tốt nội quy của nhà trường và giao tiếp có văn hoá, tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt cao và không có học sinh nào vi phạm pháp luật hoặc bị kỷ luật. Học sinh được đảm bảo đầy đủ các quyền theo và nghĩa vụ theo quy định.

**3. Điểm yếu**

Nhận thức của một số học sinh và phụ huynh chưa đúng về nhiệm vụ và ý nghĩa của việc học tập, do ảnh hưởng lối sống buông thả của thanh niên ngoài nhà trường. Cá biệt vẫn còn có số ít học sinh thực hiện chưa tốt các nội quy, quy định của nhà trường về hành vi, ngôn ngữ, ứng xử, trang phục...

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục. Kết hợp với các tổ chức trong và ngoài nhà trường đặc biệt là giữa nhà trường và cha mẹ học sinh, các tổ chức đoàn thể địa phương để giáo dục giúp học sinh thực hiện tốt nội quy, quy định của nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Kết luận** **về Tiêu chuẩn 2:**

Qua công tác TĐG tiêu chuẩn cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường, nhận thấy đội ngũ CBQL, GV, NV có trình độ đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ. Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng nhà trường đảm bảo về trình độ chuyên môn, quản lý và chính trị. Đó là nền tảng cho công tác quản lý của nhà trường ngày càng hiệu quả và khoa học. Đội ngũ giáo viên của nhà trường có trình độ chuyên môn vững vàng, kinh nghiệm giảng dạy tốt. Có giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp huyện, cấp tỉnh. Công tác học tập, bồi dưỡng, dự giờ, hội giảng được duy trì thường xuyên. Đảm bảo số lượng, chất lượng và các chế độ, chính sách theo quy định đối với đội ngũ nhân viên của nhà trường.

Nhà trường đã luôn chú trọng việc nâng cao phẩm chất đạo đức nhà giáo, xây dựng đội ngũ CC,VC có tư tưởng chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, luôn thực hiện tốt vai trò nêu gương khi thực hiện nhiệm vụ được giao. Thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định về chế độ chính sách đối với nhà giáo. Thực hiện tốt công tác đánh giá, xếp loại nhà giáo. Đảm bảo công bằng khách quan, gắn với thi đua, tạo động lực cho nhà giáo chuyên tâm với nghề.

Chất lượng học sinh ngày càng nâng cao, học sinh của nhà trường luôn đáp ứng yêu cầu theo quy định của Điều lệ trường trung học.

Quyền lợi của các em HS luôn được chú trọng, các em được học đúng với độ tuổi của mình, được lĩnh hội kiến thức theo đúng chương trình, phù hợp với điều kiện thực tế của xã hội, các em được bảo vệ nhân phẩm, được vui chơi và mưu cầu hạnh phúc, trường luôn là ngôi nhà thứ hai để các em nhận thấy sự gần gũi và thân thiện nhất.

Được sự quan tâm sát sao của các cá nhân và ban ngành nên hầu hết các em chăm ngoan, biết vâng lời, nghiêm chỉnh chấp hành nội quy nề nếp, xứng đáng với sự mong mỏi của GV và PHHS.

Bên cạnh đó còn có những tồn tại như Mặc dù Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đã có những kế hoạch công tác cụ thể và triển khai quyết liệt, tuy nhiên giải pháp đột phá để nâng cao chất lượng giáo dục ở một số chỉ tiêu đề ra chưa đạt yêu cầu dẫn đến hiệu quả chưa cao; Một số GV, NV tuổi cao gặp khó khăn trong việc ứng dụng CNTT. Nhận thức của một số học sinh và phụ huynh chưa đúng về nhiệm vụ và ý nghĩa của việc học tập, cá biệt vẫn còn có số ít học sinh thực hiện chưa tốt các nội quy, quy định của trường về hành vi, ngôn ngữ, ứng xử, trang phục...

Từ những nhận định trên trường đưa ra những điểm mạnh cần phát huy và khắc phục những hạn chế như tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục. Kết hợp với các tổ chức trong và ngoài nhà trường đặc biệt là giữa nhà trường và cha mẹ học sinh, các tổ chức đoàn thể địa phương để giáo dục giúp học sinh thực hiện tốt nội quy, quy định của nhà trường; Bố trí sắp xếp cho GV, NV tham gia vào các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ qua các đợt tổ chức của ngành. Chú trọng nâng cao trình độ CNTT cho GV, NV để hoàn thành tốt công việc; Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng cần chỉ đạo sát sao hơn công tác bồi dưỡng chuyên môn, đặc biệt là công tác bồi dưỡng đội ngũ giáo viên giỏi, học sinh giỏi để trường đạt kết quả ngày càng cao; nắm vững các văn bản chỉ đạo về chế độ chính sách, về quy chế chuyên môn để kịp thời giúp đỡ đội ngũ nhà giáo ngày càng tiến bộ, yên tâm công tác, cống hiến cho nghề.

Qua đánh giá 04 tiêu chí của tiêu chuẩn 2, kết quả đạt như sau:

***+ Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn: 4***

***+ Số tiêu chí đạt: 4***

***+ Số tiêu chí không đạt: 0***

 Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

 Không đạt: 0/4 tiêu chí chiếm 0 %

 Đạt Mức 1: 4/4 tiêu chí chiếm 100 %

 Đạt Mức 2: 4/4 tiêu chí chiếm 100 %

 Đạt Mức 3: 4/4 tiêu chí chiếm 100 %

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

**Mở đầu:** Trường THCS Nguyễn Huệ có một khuôn viên riêng biệt, rộng, thoáng mát, có tường bao, có cổng trường, biển trường. Trong trường đảm bảo cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp. Tại các phòng học, phòng chức năng, phòng hành chính có đủ các trang thiết bị tối thiểu phục vụ cho hoạt động dạy và học. Nhà trường có thư viện đủ để đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của giáo viên và học sinh. Các thiết bị đồ dùng dạy học được quản lý và sử dụng thường xuyên, có hiệu quả. Khu sân chơi có cây xanh bóng mát. Trong khuôn viên trường, khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự. Khu vệ sinh được bố trí hợp lý gần khu làm việc của giáo viên và học tập của học sinh. Để trường được phát triển tốt nhất thì yếu tố cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học là hai điều kiện thiết yếu phục vụ hoạt động dạy và học của GV, HS. Chính vì vậy, nhà trường đã thực hiện quản lý tài chính theo quy định và huy động khá hiệu quả các nguồn kinh phí hợp pháp để xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị phục vụ các hoạt động giáo dục. Nhìn chung cơ sở vật chất và trang thiết bị tương đối đảm bảo yêu cầu giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

**Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập**

Mức 1:

 a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;

 b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;

 c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

 Mức 2:

 Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

 Mức 3:

 Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m2/học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m2/học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

 **Mức 1:**

 Nhà trường có diện tích 11398,6m2 với tổng số học sinh là 484 học sinh, với khuôn viên rộng rãi, có nhiều cây xanh, cây cảnh trong khu vực sân trường đảm bảo xanh, sạch, đẹp thoáng mát theo đúng quy định để tổ chức các hoạt động giáo dục **[3.1-01].**

Trường có cổng, biển được xây dựng, thiết kế theo đúng chuẩn của nhà trường phổ thông, qui định của Bộ GD - ĐT, hướng dẫn của phòng GD - ĐT huyện Cư M’gar. Phần lớn diện tích nhà trường được bao bọc bởi tường rào kiên cố**[3.1-01].**

 Được sự quan tâm của các ban ngành, việc đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất được chú trọng, trường có khu sân chơi, bãi tập tương đối đầy đủ, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường**[3.1-02]**; **[H8-3.1-03].**

 **Mức 2:**

 Nhà trường có khu sân chơi, bãi tập được tách biệt riêng với khu học tập, có đủ các thiết bị luyện tập thể dục thể thao phục vụ yêu cầu bộ môn Giáo dục thể chất tuy nhiên trường chưa có nhà đa năng, hồ bơi để HS phát huy hết khả năng của bản thân **[3.1-01].**

 **Mức 3:**

 Trường học nằm trên địa bàn nông thôn nên có diện tích đủ rộng để đáp ứng với tiêu chuẩn mà Điều lệ trường đưa ra đối với môn GDTC, trung bình 23,5 m2/học sinh **[3.1-01].**

 **2. Điểm mạnh**

 Nằm ở vị trí đẹp, thuận tiện, gần với các tiện ích, thuận tiện cho việc đi lại an toàn của giáo viên và học sinh. Hằng năm trường được trồng mới, bổ sung thêm nhiều cây xanh thoáng mát. Môi trường trong lành, vệ sinh sạch sẽ. Khu sân chơi bãi tập có diện tích rộng. Cổng, biển trường kiên cố, đạt chuẩn, phù hợp với nhu cầu giảng dạy và học tập của GV và HS.

**3. Điểm yếu**

 Trường chưa có nhà thi đấu đa năng, hồ bơi nên phần nào còn hạn chế sự phát huy khả năng vốn có của các em. Một phần diện tích nhỏ phía sau trường chưa có tường rào kiên cố bao bọc.

 Khuôn viên nhà trường quy hoạch panô, áp phích tuyên truyền còn hạn chế.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Nhà trường xây dựng kế hoạch tham mưu với chính quyền địa phương huy động hiệu quả công tác xã hội hóa giáo dục, tăng cường nguồn kinh phí xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị cho khu sân chơi, bãi tập, xây dựng nhà đa năng hồ bơi khang trang hơn và hoàn thiện hệ thống tường rào kiên cố bao bọc nhà trường.

 Tăng cường quy hoạch các pa nô, áp phích tuyên truyền để nâng cao ý thức chấp hành nội quy, quy định của giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Tiêu chí 3.2: Phòng học**

Mức 1:

 a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;

 b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;

 c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

 Mức 2:

 a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

 b) Khối phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

 Mức 3:

 Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

 **1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

 Nhà trường có số lượng 15 phòng học đầy đủ để phục vụ cho học sinh 15 lớp học tập một buổi, nhưng chưa có phòng học để tổ chức dạy học cho học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, chất lượng thiết bị của phòng học đảm bảo đúng theo quy định của Điều lệ trường trung học và hợp vệ sinh. Bảng viết đúng quy cách, kích thước vật liệu, kiểu dáng, màu sắc bàn ghế cho giáo viên, học sinh đúng tiêu chuẩn, phù hợp với quy định của Bộ GDĐT, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế **[3.2-01]; [H8-3.2-02].**

Nhà trường đủ phòng học bộ môn: 01 phòng thực hành thí nghiệm môn Vật Lí, 01 phòng thực hành môn Hóa - Sinh, 01 phòng học Tin học, 02 phòng máy chiếu **[3.2-01]; [H8-3.2-02].**

 Nhà trường có phòng hoạt động Đội, phòng thư viện và phòng đọc sách cho học sinh và giáo viên [**3.2-01**]**; [H8-3.2-02].**

 **Mức 2:**

 Phòng học với diện tích 48m2/01 phòng, trung bình 1,6m2/học sinh được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, chất lượng tốt, đáp ứng cho việc dạy và học của giáo viên và học sinh. Tuy nhiên, cơ sở vật chất chưa đáp ứng được yêu cầu dành cho HS khuyết tật **[3.2-01]; [H8-3.2-02].**

 Khối phục vụ học tập gồm 01 phòng thiết bị, 01 phòng thư viện có phòng đọc sách cho giáo viên và học sinh, 01 phòng y tế có đầy đủ thiết bị sơ cứu và tủ thuốc, 01 phòng văn thư - kế toán, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường theo quy định **[3.2-01];** **[H8-3.2-02].**

 **Mức 3:**

 Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định như phòng tin học có 25 máy, phòng thực hành có đầy đủ các dụng cụ thực hành, thí nghiệm cho HS bình thường, tuy nhiên trường chưa có phòng giành riêng cho HS có hoàn cảnh đặc biệt **[H8-3.1-03]**.

  **2. Điểm mạnh**

 Được sự quan tâm của các ban ngành và chính quyền địa phương, trường đã cơ bản đủ trang thiết bị ở hầu hết phòng học theo nhu cầu và được bố trí khoa học, hợp lý. Trong mỗi phòng học, đều được trang bị, niêm yết đầy đủ như: bảng chống loá, quạt mát, bóng đèn… phục vụ cho công tác dạy và học; có ảnh Bác Hồ, cờ tổ quốc và các khẩu hiệu theo qui định của phòng GDĐT. Có phòng học bộ môn phục phụ công tác dạy và học, có phòng tin học, phòng máy chiếu...

**3. Điểm yếu**

 Trường còn khu hàng rào phía sau chưa được gia cố, chưa có phòng học để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt.

 Chưa có các phòng học chức năng, hồ bơi để phục vụ môn GDTC.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Có kế hoạch bảo dưỡng và sửa chữa các trang thiết bị ở các phòng khi cần thiết.

 Duy trì và làm tốt công tác xã hội hoá giáo dục để không ngừng nâng cao cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động giáo dục.

Tham mưu với cấp trên để tu sửa, nâng cấp các phòng học xuống cấp hoặc xây dựng phòng học kiên cố mới đáp ứng nhu cầu dạy và học, các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị**

Mức 1:

 a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

 b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;

 c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.

 Mức 2:

 Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

 Mức 3:

 Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

 **1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

 Nhà trường có khối phòng phục vụ cho học tập: 01 phòng thư viện; 01 phòng thiết bị; 01 phòng tin học; 01 phòng Đội; 01 phòng đọc cho giáo viên và học sinh; 01 phòng y tế; phòng kế toán – văn thư còn ghép chung, các phòng diện tích còn hẹp nhưng cũng đảm bảo đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục **[H8-3.2-02].**

 Nhà trường có khu để xe cho giáo viên, nhân viên, học sinh được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự **[H8-3.2-02].**

 Hằng năm, nhà trường đều tổ chức kiểm tra tài sản, nắm bắt những tài sản đã hỏng, hết hạn sử dụng. Từ đó, có kế hoạch sửa chữa, bổ sung kịp thời các thiết bị phục vụ cho khối hành chính - quản trị làm việc hiệu quả (minh chứng bản kiểm kê ts và hồ sơ sửa chữa csvc) **[3.3-02]; [H8-3.3-03].**

 **Mức 2:**

 Nhà trường có đầy đủ các phòng khối hành chính - quản trị theo quy định như: Văn phòng nhà trường, phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng y tế, phòng bảo vệ, phòng kế toán văn thư theo quy định. Phòng y tế đã có đầy đủ trang thiết bị y tế tối thiểu và tủ thuốc có các loại thuốc thiết yếu được trang bị thường xuyên, kịp thời phục vụ cho HS, CB, GV, NV trong nhà trường **[H8-3.2-02]; [H8-3.3-04].**

 **Mức 3:**

 Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường. Nhà trường đã trang bị các loại máy văn phòng như máy tính, máy in cho các bộ phận của nhà trường phục vụ cho hoạt động của từng ban ngành. Máy tính có nối mạng internet ở một số phòng phục vụ tốt cho việc học tập của học sinh, đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, tham khảo của giáo viên trong nhà trường **[H8-3.3-05]; [H3-1.6-06].**

 **2. Điểm mạnh**

 Khối phòng phục vụ cho học tập và khối phòng hành chính, quản trị được trang bị đầy đủ bàn, ghế, tủ và thiết bị làm việc.

 Hầu hết các phòng đã nối mạng internet để phục vụ cho nhu cầu tra cứu, tham khảo tài liệu của giáo viên và học sinh.

**3. Điểm yếu**

 Hầu hết khối phục vụ cho học tập và khối phòng hành chính, quản trị có diện tích nhỏ hẹp; xuống cấp do đã sử dụng lâu năm. Còn tồn tại các tổ bộ phận làm việc ghép chung trong một phòng như văn thư - kế toán; Đoàn - Đội ...

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Huy động nguồn vốn của huyện để xây dựng nâng cấp một số khối phòng hành chính, quản trị, khối phòng phục vụ học tập. Xây dựng mới các phòng làm việc đã xuống cấp.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước**

Mức 1:

 a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

 b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

 c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

 Mức 2:

 a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

 b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

 **1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

 Nhà trường đã có các khu công trình vệ sinh riêng biệt cho CB, GV, NV và học sinh nam và học sinh nữ, được xây dựng đảm bảo theo chuẩn của quy định Điều lệ trường, ở vị trí phù hợp với cảnh quan, an toàn, thuận tiện, đảm bảo không ô nhiễm môi trường **[H8-3.4-01].**

 Có nguồn nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng của GV, NV và HS trong nhà trường. Hệ thống cấp nước đảm bảo yêu cầu. Có bể và bồn nước chứa nguồn nước giếng sạch sẽ đảm bảo vệ sinh an toàn cung cấp đầy đủ nước phục vụ cho tưới tiêu và công tác vệ sinh trong nhà trường **[3.4-02]**; **[3.4-03].**

 Nhà trường đã trang bị các thùng đựng rác thải đảm bảo vệ sinh môi trường. Có thuê nhân viên lao công thu dọn vệ sinh, quét rác trong khu vực khuôn viên nhà trường đảm bảo thường xuyên và sạch sẽ. Đồng thời có kế hoạch lao động dọn vệ sinh trường lớp thường xuyên. Tuy nhiên việc xử lý rác thải (đốt) vẫn chưa hợp lý **[3.4-04].**

 **Mức 2:**

 Nhà trường có khu vệ sinh đảm bảo thuận lợi, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định **[H8-3.4-01].**

Nhà trường có nguồn nước sạch cung cấp nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh, nhưng chưa có hệ thống xử lí nước sạch. Trường có hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt không ứ đọng xung quanh trường lớp, có thùng đựng và phân loại rác thải. Khu tập trung rác thải được bố trí cách biệt với các khu vực khác và có lối đi riêng, đúng khoảng cách quy định và cuối chiều gió. Rác được thu gom hàng ngày và được xử lý đốt rác đúng quy định không để rác ứ đọng gây ô nhiễm. Việc xử lí rác còn tự phát chưa có hệ thống hay lò đốt **[H8-3.4-01]; [3.4-02]**; **[3.4-03];** **[3.4-04].**

 **2. Điểm mạnh**

 Nhà trường đã có khu để xe, khu vệ sinh riêng biệt dành cho giáo viên, nhân viên và học sinh, được bố trí hợp lý, đảm bảo trật tự, an toàn và rộng rãi, đảm bảo cảnh quan môi trường.

 Nguồn nước giếng đào đầy đủ, bể chứa nước to đủ dùng phục vụ thuận tiện cho giáo viên, học sinh sinh hoạt.

 Có nhân viên phụ trách công tác vệ sinh nên nhà vệ sinh đảm bảo thường xuyên sạch sẽ, nguồn nước cung cấp đầy đủ, thường xuyên.

**3. Điểm yếu**

 Chưa có hệ thống xử lí nước sạch phục vụ cho nhu cầu sử dụng làm nước uống cho CB, GV, NV và HS trong nhà trường. Vẫn phải huy động các khoản thu để sử dụng nước dịch vụ đóng chai.

Việc xử lý rác thải trong trường học chưa được phân loại và chưa thực hiện đảm bảo quy trình an toàn, sạch sẽ.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Xây dựng kế hoạch tham mưu với các cấp chính quyền địa phương trang bị hệ thống xử lí nước sạch phục vụ nhu cầu sử dụng nước của giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường.

Thường xuyên giữ vệ sinh, trồng bổ sung và chăm sóc cây xanh trong khuôn viên nhà trường. Đảm bảo vệ sinh môi trường, giữ trường luôn xanh, sạch, đẹp. Nâng cao ý thức tập thể cho mỗi giáo viên, nhân viên và học sinh luôn nêu cao ý thức giữ gìn bảo vệ của công.

Trong những năm tới, trường sẽ xử lý rác thải theo đúng quy trình, hướng tới sự an toàn cho sức khỏe.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2

**Tiêu chí 3.5: Thiết bị**

Mức 1:

 a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

 b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

 c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

 Mức 2:

 a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

 b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

 c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

 Mức 3:

 Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

 **1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

 Nhà trường trang bị đầy đủ thiết bị văn phòng: Máy tính, máy in, máy phô tô và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường theo quy định **[H3-1.6-06].**

 Nhà trường có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định, nhưng một số tranh ảnh, đồ dùng, hóa chất qua sử dụng đã bị hư hỏng, hết hạn**[H8-3.1-03].**

 Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch và tiến hành tổ chức kiểm kê đồ dùng và thiết bị của từng bộ phận, ban ngành.Thực hiện kịp thời việc sửa chữa, nâng cấp đồ dùng dạy học và thiết bị dạy học đã bị hư hỏng để đáp ứng kịp thời nhu cầu sử dụng **[H8-3.3-03].**

 **Mức 2:**

 Hệ thống máy tính của nhà trường được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy và học**[H8-3.3-05].**

 Nhà trường trang bị đầy đủ thiết bị cần thiết như: tranh ảnh, dụng cụ thực hành, hoá chất, mô hình, bản đồ, lược đồ… để phục vụ cho dạy và học **[H8-3.1-03].**

 Hàng năm nhà trường thường được cập nhật thêm trang thiết bị dạy học theo quy định của cấp trên và mua bổ sung thêm các thiết bị đã hư hỏng. Có kế hoạch và tổ chức cho các tổ chuyên môn làm đồ dùng dạy học đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng dạy học các bộ môn **[3.3-02];** **[H8-3.5-01].**

 **Mức 3:**

 Giáo viên thực hiện tốt việc mượn, sử dụng thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả trong các giờ lên lớp đảm bảo đúng quy trình của bộ phận thiết bị đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao CLGD của nhà trường. Việc sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học thường xuyên đã giúp cho chất lượng dạy học trong những năm gần đây có chuyển biến mạnh và đạt chất lượng cao. Tuy nhiên vẫn còn một số ít giáo viên việc mượn và sử dụng đồ dung còn ít nên việc sử dụng còn lúng túng **[3.5-02]**;**[3.5-03].**

 **2. Điểm mạnh**

 Nhà trường được trang bị đầy đủ thiết bị dạy học tối thiểu phục vụ giảng dạy và học tập đảm bảo quy định của Bộ GD ĐT. Các tổ CM duy trì kế hoạch làm đồ dùng dạy học hằng năm.

 Hầu hết các GV đều có kế hoạch và thực hiện tích cực việc sử dụng thiết bị đồ dùng trong các giờ thực hành và giờ lên lớp.

  Công tác quản lý và sử dụng của cán bộ phụ trách thiết bị và GV khá hiệu quả. Công tác kiểm kê thiết bị đồ dùng đánh giá việc bảo quản sử dụng của tổ, nhóm CM được thực hiện khá chặt chẽ.

**3. Điểm yếu**

 Tranh ảnh minh họa, đồ dùng dạy học, hóa chất ở một số môn học qua sử dụng lâu đã cũ và hư hỏng.

 Vẫn còn một số ít GV sử dụng đồ dùng dạy học trong giảng dạy còn ít dẫn đến các thao tác sử dụng thiết bị dạy học còn lúng túng, chưa phát huy hiệu quả, tính năng của các đồ dùng.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Tăng cường tham mưu với lãnh đạo nhà trường và ngành giáo dục thanh lý và bổ sung thêm những thiết bị và đồ dùng dạy học cần thiết đáp ứng nhu cầu dạy học trong nhà trường.

 Làm tốt công tác mượn trả các thí nghiệm đồ dùng theo tiết học có sổ theo dõi của giáo viên phụ trách phòng học bộ môn; công tác kiểm kê mỗi kỳ học, các thiết bị của bộ đồ dùng để nắm bắt số lượng cần bổ sung, sửa chữa.

 Làm tốt công tác quản lý thiết bị đồ dùng để sử dụng trong nhiều năm như tranh ảnh, mô hình, mẫu vật.

 Khai thác triệt để kiến thức từ các bộ đồ dùng để nâng cao chất lượng các giờ lên lớp. Phát huy hiệu quả việc sử dụng các loại đồ dùng tự làm.

**5.** **Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Tiêu chí 3.6: Thư viện**

Mức 1:

 a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

 b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

 c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

 Mức 2:

 Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

 Mức 3:

 Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên; hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

 **1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

 Hằng năm, nhân viên phụ trách thư viện tích cực tham mưu với nhà trường thực hiện việc mua sắm và bổ sung đầy đủ các đầu sách và các tài liệu tham khảo. Các loại sách, tài liệu được sắp xếp cẩn thận, đảm bảo được tính khoa học cao. Có đầy đủ sách giáo khoa sắp xếp khoa học, hợp lý theo từng loại sách cho từng tủ để tiện cho việc tra cứu mượn sách trong thư viện. Các cuốn sách đều được niêm yết mã số, tên tác giả giúp người đọc, mượn trả một cách thuận tiện khoa học và giúp cho người quản lý thư viện quản lý sách đảm bảo yêu cầu **[3.6-01].**

 Thư viện nhà trường hoạt động thường xuyên, đúng quy định về thời gian đáp ứng tốt cho nhu cầu đọc và tìm kiếm tài liệu, việc nghiên cứu của học sinh, cán bộ, nhân viên và học sinh trong nhà trường. Nội quy thư viện và lịch mượn sách được xây dựng khoa học theo lịch từng ngày, khối lớp tiện cho CB, GV, NV và HS tham gia mượn và tra cứu tài liệu **[3.6-01].**

 Hằng năm, thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo **[3.6-01].**

 **Mức 2:**

 Thư viện đã đạt chuẩn thư viện trường phổ thông theo quy định **[H8-3.6-02]; [H8-3.6-03].**

 **Mức 3:**

 Nhà trường trang bị phòng thư viện có 1 máy tính và 1 máy in dùng để tra cứu và cập nhật thông tin trên mạng, thu thập thông tin mới. Sách báo mới về được cập nhật vào phần mềm và in ra sổ, có hóa đơn, chứng từ theo dõi quản lý tài sản sách báo khoa học, chính xác **[3.6-01].** Tuy nhiên, thư viện trường chưa có hệ thống máy tính phục vụ nhu cầu tra cứu tài liệu, thông tin của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

 **2. Điểm mạnh**

 Thư viện nhà trường đã đạt tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông theo quy định của Bộ GDĐT*.* Nhân viên thư viện tận tụy nhiệt tình phục vụ. Hàng năm, nhà trường có kế hoạch và thực hiện bổ sung các đầu sách, tài liệu tham khảo mới phục vụ nhu cầu của bạn đọc.

 Tủ và giá sách thiết kế đa dạng, kiểu dáng tiện cho việc tra cứu lấy sách thu hút được người đọc, nghiên cứu… Sách giáo khoa phân loại khoa học sắp xếp, gọn gàng ngăn nắp tiện cho việc quản lý. Sổ sách cập nhật ghi chép đầy đủ, rõ ràng.

 Thư viện làm chức năng lưu trữ và luân chuyển sách báo, tạp chí. Thông qua nội dung sách, báo, tạp chí thư viện góp phần tích cực vào việc nâng cao chất lượng giảng dạy học tập, tuyên truyền thực hiện tới đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước nhằm xây dựng thế giới khoa học nếp sống văn minh cho giáo viên, học sinh.

 Thư viện nhà trường đã có phòng đọc rộng rãi, thoáng mát, với cơ sở vật chất tương đối đầy đủ, được bố trí ở vị trí trung tâm, thuận lợi cho việc tham khảo tài liệu phục vụ cho dạy và học.

**3. Điểm yếu**

 Phòng đọc dành cho giáo viên và học sinh còn sử dụng chung. Thư viện trường chưa có hệ thống máy tính phục vụ nhu cầu tra cứu tài liệu, thông tin của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Tham mưu với các cấp lãnh đạo xây dựng mở rộng quy mô thư viện nhà trường, có phòng đọc riêng cho giáo viên và học sinh. Trang bị hệ thống máy tính đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học tập, hướng đến xây dựng thư viện số. Duy trì công tác bổ sung sách, tài liệu tham khảo … vào đầu mỗi năm học.

 Phát động phong trào xây dựng thư viện trường học thân thiện tới gia đình, nhà trường, xã hội để mọi người hiểu biết về tầm quan trọng và lợi ích của sự phát triển văn hóa đọc trong nhà trường.

**5.** **Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Kết luận** **về Tiêu chuẩn 3:**

 Về cơ sở vật chất và thiết bị nhà trường , nhìn chung trường đã xây dựng cổng trường, biển trường kiên cố, có khuôn viên riêng biệt, cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp với nhiều cây xanh, cây cảnh thoáng mát đúng theo quy định của Bộ GDĐT. Bên cạnh đó vẫn còn một đoạn tường rào chưa được xây kiên cố mà rào lưới B40 giáp với nhà dân. Hiện trường có đủ phòng học để học một ca trên 1 ngày, các phòng học đảm bảo ánh sáng thoáng mát, có đầy đủ bàn ghế cho giáo viên và học sinh, bố trí thiết bị, trang trí cho phòng học khoa học đạt yêu cầu, nhưng còn thiếu phòng đa năng, hồ bơi cho học sinh luyện tập. Công trình vệ sinh cho giáo viên và học sinh riêng biệt, được xây dựng đảm bảo đúng quy cách, vệ sinh, an toàn. Nhà trường có khối phòng hành chính, quản trị phục phụ cho công tác giảng dạy nhưng diện tích nhỏ, một số phòng đã xuống cấp. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích rộng, đủ bóng mát cho học sinh vui chơi nhưng chưa đa dạng kiểu sân chơi bãi tập. Thư viện nhà trường đạt chuẩn, có các đầu sách giáo khoa, sách tham khảo, tài liệu, báo chí đa dạng phục vụ tốt cho nhu cầu tìm hiểu, nghiên cứu, tra khảo thông tin của giáo viên và học sinh theo quy định tuy nhiên vẫn còn một số ít giáo viên, học sinh chưa nhiệt tình trong công tác đọc tham khảo sách trên thư viện.

Với thực tế trên, nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến như tham mưu với chính quyền địa phương huy động hiệu quả công tác xã hội hóa giáo dục, tăng cường nguồn kinh phí xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị cho khu sân chơi, bãi tập, xây dựng nhà đa năng hồ bơi khang trang hơn và hoàn thiện hệ thống tường rào kiên cố bao bọc nhà trường. Huy động nguồn vốn của huyện để xây dựng nâng cấp một số khối phòng hành chính, quản trị, khối phòng phục vụ học tập.Thư viện trường có những giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động, được trang bị thêm máy tính phục vụ cho việc tra cứu, tìm kiếm thông tin của bạn đọc, hướng đến phát triển thư viện số, phù hợp với xu hướng phát triển của xã hội.

Qua kết quả đánh giá 06 tiêu chí của tiêu chuẩn 01, trường tự đánh giá mức đạt như sau:

*+* ***Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn: 06***

***+ Số tiêu chí đạt: 06***

***+ Số tiêu chí không đạt: 0***

Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

* + **Không đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0 %**
	+ **Đạt Mức 1: 6/6 tiêu chí chiếm 100 %**
	+ **Đạt Mức 2: 6/6 tiêu chí chiếm 100 %**
	+ **Đạt Mức 3: 5/5 tiêu chí chiếm 100 %**

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

**Mở đầu:** Trong những năm qua, trường THCS Nguyễn Huệ luôn nhận được sự quan tâm, giúp đỡ của trưởng các ban ngành, địa phương và sự ủng hộ nhiệt tình của CMHS. Nhà trường làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục để xây dựng cơ sở vật chất phục vụ dạy và học, luôn giữ mối quan hệ giữa nhà trường với nhân dân, chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể đóng trên địa bàn. Đó là những yếu tố quan trọng góp phần vào thành tích chung của trường trong những năm qua.

Bên cạnh đó luôn có sự kết hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong việc quản lý, giáo dục HS. Đặc biệt với Ban đại diện CMHS, cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương cùng với các tổ chức đoàn thể nhằm huy động các nguồn lực hỗ trợ tạo một môi trường giáo dục trong sạch, lành mạnh.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

 a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

 b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

 c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

 Mức 2:

 Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

 Mức 3:

 Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

 **1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

Ban đại diện CMHS của được thành lập đúng Điều lệ (Ban hành theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo). Ngay từ đầu mỗi năm học, nhà trường tiến hành hop PHHS và mỗi lớp bầu Ban đại diện của mình, trên cơ sở đó, trường đã phối hợp họp Ban đại diện CMHS các lớp để bầu ra Ban đại diện CMHS của trường **[H9-4.1-01]**.

Ban đại diện CMHS luôn thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm, nhiệm vụ của mình được quy định tại Điều lệ Ban đại diện CMHS ban hành kèm theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ GDĐT **[H9-4.1-01]**.

 Ban đại diện CMHS có báo cáo định kỳ. Nội dung các cuộc họp đều được lưu lại trong sổ nghị quyết. Nhà trường đã tạo mọi điều kiện để Ban đại diện CMHS làm việc, phối hợp giáo dục học sinh theo kế hoạch của Ban đại diện CMHS. Trường đã xây dựng Quy chế phối kết hợp với Ban đại diện CMHS để cùng làm việc dân chủ đúng với quy định tại Điều lệ. Tuy nhiên chưa có kế hoạch cụ thể. **[H9-4.1-02]**.

 Ngay từ đầu năm học nhà trường tổ chức họp toàn thể CMHS các lớp vào các thời gian: Đầu năm học, giữa kì I và cuối năm học để thực hiện thông báo kết quả học tập cũng như quá trình tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của học sinh. Đối với Ban Đại diện CMHS thực hiện họp định kì 3 - 4 lần/năm học và họp đột xuất. Tại các cuộc họp, nhà trường thông báo đầy đủ mọi thông tin về giáo dục nhà trường có liên quan đến học sinh và CMHS, giải quyết các kiến nghị, tiếp thu những đóng góp ý kiến của CMHS. Trong những năm qua, Ban Đại diện CMHS có sự quan tâm đặc biệt đến nhà trường không những về vật chất mà còn cả về tinh thần, góp phần tạo ra mối quan hệ tốt đẹp giữa gia đình và nhà trường. Tuy nhiên một số Ban đại diện ở một số lớp làm việc chưa thực sự hiệu quả.**[H9-4.1-03]**.

 **Mức 2:**

Trong các năm học Ban đại diện CMHS luôn có sự phối hợp có hiệu quả trong việc thực hiện tốt các nhiệm vụ năm học đề ra; hướng dẫn tuyên truyền, phổ biến, pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với CMHS, kết hợp với GVCN lớp trong việc huy động học sinh đến trường, đặc biệt là vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp bằng nhiều hình thức như vận động học sinh, phối kết hợp với gia đình và các tổ chức đoàn thể của địa phương để cho học sinh trở lại lớp với tâm thế yên tâm học tập. **[H9-4.1-03]**.

 **Mức 3:**

 Hằng năm, Ban đại diện CMHS phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ: Thực hiện nhiệm vụ năm học đã được thống nhất từ cuộc họp phụ huynh đầu năm, tuyên truyền phổ biến pháp luật nhằm nâng cao trách nhiệm chăm sóc bảo vệ HS, giáo dục HS có hạnh kiểm yếu, khuyến khích HS giỏi… theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh **[H9-4.1-03]**.

**2. Điểm mạnh**

 Ban đại diện CMHS của nhà trường trong những năm qua là những người nhiệt tình có tinh thần trách nhiệm cao, quan tâm đến sự nghiệp giáo dục của nhà trường nói riêng và địa phương nói chung. Đã làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục trong nhà trường. Ban đại diện CMHS trường có kế hoạch phối hợp với BGH nhà trường trong việc tuyên truyền đến các CMHS nêu cao tinh thần trách nhiệm quản lý, giáo dục đạo đức, hành vi của học sinh.

 Ban đại diện CMHS trường được tổ chức, thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng Điều lệ ban đại diện CMHS qui định.

**3. Điểm yếu**

  Ban đại diện CMHS chưa có kế hoạch cụ thể, chưa chủ động, sáng tạo trong công tác phối hợp với nhà trường. Ban đại diện CMHS ở một số lớp chưa thực sự phát huy hết quyền và trách nhiệm trong công tác giáo dục.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Trong những năm học tiếp theo, nhà trường và Ban đại diện CMHS trường cần xây dựng Nghị quyết, kế hoạch hoạt động cụ thể phù hợp với điều kiện thực tế nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong nhà trường.

 BGH nhà trường xây dựng kế hoạch chỉ đạo GVCN thực hiện phối hợp với ban đại diện CMHS phát huy hiệu quả quyền và trách nhiệm đối với sự nghiệp giáo dục trong nhà trường.

**5.** **Tự đánh giá:** Đạt mức 2

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

 a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

 b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

 c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

 Mức 2:

 a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

 b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

 Mức 3:

 Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

Trong từng năm học, nhà trường chủ động tham mưu cho cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch và biện pháp cụ thể nhằm huy động nguồn lực để phát triển nhà trường. Nhà trường đã xây dựng chiến lược phát triển, báo cáo Đảng ủy, HĐND, UBND để tranh thủ ý kiến đóng góp và sự đồng thuận của địa phương và ra các văn bản chỉ đạo thực hiện **[H1-1.1-01]**; **[1.1-02]**.

 Nhà trường chủ động tuyên truyền để nâng cao nhận thức trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và KHGD của nhà trường bằng nhiều hình thức khác nhau, thường xuyên tổ chức tuyên truyền bằng nhiều hình thức như: Qua chương trình phát thanh măng non hàng tuần của Liên đội, treo pa-nô, khẩu hiệu trong khuôn viên trường và đăng tải trên Website của trường nhằm tăng thêm sự hiểu biết trong cộng đồng về nội dung, phương pháp dạy học, tạo điều kiện cho cộng đồng tham gia thực hiện mục tiêu và KHGD **[H9-4.2-02]**; **[H9-4.2-07]**.

 Nhà trường đã huy động nguồn tài trợ phục vụ tu sửa cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị, tài liệu tham khảo, phục vụ nhu cầu dạy và học, hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập, tuy nhiên nguồn đơn vị tài trợ còn ít, kinh phí chưa cao **[H9-4.2-01]**; **[H9-4.2-06]**.

 **Mức 2:**

 Hằng năm, nhà trường đã tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền trong việc xây dựng phương hướng, chiến lược và phát triển.

 Liên đội nhà trường hàng năm tổ chức cho học sinh thực hiện các hoạt động thiết thực như: Thăm viếng nghĩa trang liệt sỹ, nói chuyện truyền thống ngày Thành lập Quân Đội Nhân Dân Việt Nam, tham quan các khu di tích lịch sử nhằm giáo dục lý tưởng sống cho các thế hệ học sinh, qua đó rèn cho các em kĩ năng sống cần thiết **[H2-1.3-07]**.

 **Mức 3:**

 Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương **[H9-4.2-05]**; **[H9-4.2-07]; [4.2-07]**.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã làm tốt công tác tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục hàng năm, kế hoạch, chiến lược phát triển trường thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

  Nhà trường đã huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tự nguyện của các tổ chức, cá nhân để xây dựng cơ sở vật chất; tăng thêm phương tiện, thiết bị dạy học; khen thưởng học sinh học giỏi, học sinh có thành tích xuất sắc, hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

 Tổ chức các buổi tuyên truyền, nói chuyện về truyền thống, nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của bản thân, bồi dưỡng kĩ năng cần thiết cho cuộc sống.

**3. Điểm yếu**

 Nhà trường chưa mạnh dạn trong việc vận động các tổ chức đoàn thể, các doanh nghiệp ở địa phương để huy động nguồn lực xây dựng cơ sở vật chất.

 Nguồn kinh phí chi cho các hoạt động còn hạn chế nên chưa giúp đỡ được nhiều gia đình có công với cách mạng. Nội dung các hoạt động chưa thật đa dạng và phong phú.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Cần xây dựng kế hoạch và biện pháp phát triển giáo dục phù hợp với thực tế nhà trường và địa phương để công tác tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền địa phương đạt hiệu quả cao hơn.

 Tiếp tục vận động các nguồn tài trợ để đem lại quyền lợi cao nhất cho các em.

  Chỉ đạo tốt việc phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các tổ chức, đoàn thể, cá nhân của địa phương để xây dựng môi trường giáo dục đầy đủ về trang thiết bị và cơ sở vật chất; an toàn, lành mạnh.Có kế hoạch tăng dần tỷ lệ phổ cập GDTHCS hướng đến thực hiện phổ cập giáo dục THPT. Phấn đấu xây dựng nhà trường thành trung tâm văn hóa, giáo dục tại địa phương.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Kết luận** **về Tiêu chuẩn 4:**

Nhà trường đã tạo dựng và duy trì tốt mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và các tổ chức đoàn thể xã hội. Ban đại diện CMHS đã hoạt động tích cực có hiệu quả, trường cũng chủ động tham mưu cho các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để huy động mọi nguồn lực bên ngoài để đem lại quyền lợi tốt nhất cho các em học sinh. Bên cạnh đó, nhà trường cũng đặc biệt coi trọng công tác giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc cho học sinh thông qua hoạt động của Đội TNTP và hoạt động giáo dục NGLL. Công tác phổ cập giáo dục cũng được quan tâm.

Tuy nhiên, nhà trường cần làm tốt công tác tuyên truyền và xây dựng các kế hoạch của nhà trường một cách cụ thể, hiệu quả hơn để có thể vận động được sự ủng hộ hơn nữa về tài chính, vật chất của các cá nhân, các doanh nghiệp tư nhân sống trên địa bàn đối với nhà trường đáp ứng yêu cầu đổi mới trong các trường trung học cơ sở trong lĩnh vực dạy học ngoại ngữ, trải nghiệm sáng tạo và giáo dục STEM.

***+ Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn: 2***

***+ Số tiêu chí đạt: 2***

***+ Số tiêu chí không đạt: 0***

* Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
	+ Không đạt: 0/2 tiêu chí chiếm 0 %
	+ Đạt Mức 1: 2/2 tiêu chí chiếm 100 %
	+ Đạt Mức 2: 2/2 tiêu chí chiếm 100 %
	+ Đạt Mức 3: 1/2 tiêu chí chiếm 50 %

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

**Mở đầu:** Trong các năm học qua, nhà trường luôn thực hiện đầy đủ và nghiêm túc chương trình giáo dục và kế hoạch dạy học củaBộ GDĐT, Sở GDĐT tỉnh Đắk Lắk và Phòng GDĐT huyện Cư M’gar. Từ đó, nhà trường đã xây dựng kế hoạch năm học, kế hoạch chuyên môn theo năm - kỳ - tháng - tuần; nghiêm túc thực hiện các văn bản điều chỉnh, bổ sung về chuyên môn, đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá. Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, dạy học chương trình hướng nghiệp, giáo dục chương trình địa phương… luôn được quan tâm đúng mức. Bên cạnh đó, nhà trường còn chú trọng công tác giáo dục kỹ năng sống cho học sinh, nhằm trang bị cho các em những kỹ năng tối thiểu để bước vào cuộc sống.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

Mức 1:

 a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;

 b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;

 c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

 Mức 2:

 a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

 b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

 Mức 3:

 Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

 **1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

 Hằng năm, căn cứ vào khung chương trình và kế hoạch thời gian năm học của Bộ GDĐT, Sở, Phòng. Trên cơ sở đó, nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dụccác bộ môn, nội dung giảng dạy và được bổ sung điều chỉnh các yêu cầu giảm tải do Bộ GDĐT quy định, đảm bảo việc thực hiện đúng, đủ các môn học **[H10-5.1-01]**; **[H5-1.8-05]**.

Vào đầu mỗi năm học, nhà trường đã tiến hành chỉ đạo sát sao đến từng Tổ chuyên môn, mỗi môn học đều thực hiện sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, nhằm nâng cao kĩ năng làm việc nhóm, vận dụng kiến thức vào thực tiễn của HS. Từ đó đảm bảo đúng kĩ thuật dạy học, phương pháp dạy học, mục tiêu bài dạy, nội dung chương trình... nhằm hướng HS được tiếp cận với điều kiện giáo dục mới. Nhằm phát huy kĩ năng tự học tự nghiên cứu để đáp ứng với môi trường GD biến đổi không ngừng, tuy nhiên một số môn học vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu trên **[H4-1.7-07]**; **[5.1-07]**.

Nhà trường thực hiện kiểm tra, đánh giá và nhận xét học sinh theo đúng các Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 8 năm 2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh THCS, THPT ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TT – BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo nhằm đảm bảo sự khách quan và hiệu quả. Việc tổ chức thực hiện rất linh hoạt: kết hợp giữa trắc nghiệm, tự luận, dự án, làm việc nhóm... để đánh giá mức độ thu nhận kiến thức của các em **[1.8-02]; [H10-5.1-08].**

**Mức 2.**

Dựa vào kế hoạch chung của các cấp, nhà trường triển khai đến từng GV thực hiện đúng, đủ quy chế chuyên môn: Đảm bảo chương trình, kế hoạch giáo dục. Tùy vào tình hình thực tế, để phù hợp với đối tượng HS, xây dựng nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp để đáp ứng với khả năng lĩnh hội, nhận thức của các em **[H5-1.8-01]; [1.8-02]; [H10-5.1-01].**

 Trong quá trình giảng dạy, giáo viên kịp thời nắm bắt tình hình học tập của học sinh, từ đó có kế hoạch phát hiện và bồi dưỡng học sinh khá giỏi, học sinh có năng khiếu, phát hiện những học sinh gặp khó khăn trong học tập, học sinh yếu kém để có các giải pháp, biện pháp động viên, khuyến khích các em tham gia học. Vì vậy, số học sinh yếu kém tham gia học phụ đạo ngoài giờ tương đối đầy đủ, cuối năm học chất lượng đại trà và mũi nhọn có những tiến bộ đáng kể. Bên cạnh đó, vẫn còn những HS do hoàn cảnh gia đình nên việc học chưa có nhiều khởi sắc **[H10-5.1-09]; [H5-1.8-04]; [H10-5.1-04]; [H10-5.1-02]**.

 **Mức 3:**

 Cuối mỗi năm học, bộ phận chuyên môn nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá, báo cáo hiệu quả các hoạt động của giáo viên và học sinh, có hướng khắc phục hoàn thiện nhằm nâng cao chất lượng dạy và học **[H10-5.1-03]**.

  **2. Điểm mạnh**

 Hằng năm, nhà trường có kế hoạch cụ thể, chi tiết chỉ đạo công tác chuyên môn theo năm học, kỳ, tháng, tuần. Thực hiện nghiêm túc kế hoạch thời gian năm học, kế hoạch giảng dạy và học tập từng môn học theo quy định. Cuối mỗi năm rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên và học sinh.

 Việc thực hiện kiểm tra, đánh giá và nhận xét học sinh theo đúng các Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 8 năm 2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh THCS, THPT ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TT – BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011) của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) linh hoạt trong khâu thực hiện nhằm đem lại hiệu quả đúng nhất, phát huy được phẩm chất năng lực người học.

Việc chỉ đạo thực hiện đồng bộ giữa các bộ môn, tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo hướng mới kết hợp ĐMPP dạy học chuyển từ hoạt động dạy của giáo viên là trung tâm sang hoạt động học của HS là trung tâm, giáo viên là người hỗ trợ, hướng dẫn. Trong đó hình thức dạy học cũng được đa dạng hóa như dạy học toàn lớp sang kết hợp giữa dạy học nhóm nhỏ, cá nhân với toàn lớp học.

Các hoạt động giáo dục khác được chú trọng với nhiều hình thức đa dạng, phong phú tạo được sự hấp dẫn, kỹ năng vận dụng, sáng tạo cho học sinh, năng khiếu của HS được phát hiện, bồi dưỡng kịp thời. Nhìn chung, bằng nhiều biện pháp cụ thể nhà trường đã thực hiện giáo dục toàn diện cho học sinh theo đúng mục tiêu giáo dục đã đề ra.

**3. Điểm yếu**

 Việc thực hiện kế hoạch từng môn học diễn ra chưa đồng đều, cơ cấu tổ chức đội ngũ giáo viên trong nhà trường chưa cân đối ở các môn học dẫn tới việc phân công giảng dạy, thực hiện kế hoạch giáo dục đôi lúc gặp khó khăn. Bên cạnh đó một số học sinh chưa có ý thức trong học tập cao, việc chủ động trong lĩnh hội kiến thức còn thấp nên chưa đạt được chỉ tiêu đưa ra.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong những năm tới, nhà trường rà soát lại nội dung, phương pháp của từng môn học, lên kế hoạch cụ thể để đảm bảo việc thực hiện nội dung chương trình, phương pháp đổi mới diễn ra được đồng bộ ở tất cả các môn học.

Chú trọng đến từng đối tượng học sinh, có kế hoạch cụ thể nhằm giảm thiểu tối đa học sinh yếu kém, phối hợp chặt chẽ với các ban ngành, đặc biệt là với PHHS.

**5.** **Tự đánh giá:** Đạt mức 2

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 1:

 a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

 b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

 c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

 Mức 2:

 Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

 Mức 3:

 Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

 **1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

 Nhà trường nắm bắt kịp thời các văn bản quy định của các cấp; kịp thời xây dựng kế hoạch giáo dục các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn trong học tập; học sinh khuyết tật học hòa nhập tại nhà trường. Tạo điều kiện thuận lợi, tốt nhất cho các em đến trường. Có kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh có năng khiếu**[H11-5.2-01]; [H10-5.1-09]; [H11-5.2-07]**.

 Đã tổ chức, thực hiện đảm bảo Kế hoạch giáo dục; Giáo viên thực hiện tốt việc tích hợp nội dung dạy học sinh khuyết tật vào giáo  án nhằm tạo điều kiện cho các em học hòa nhập và rèn luyện đảm bảo yêu cầu, phù hợp với Kế hoạch giáo dục cá nhân của từng học sinh **[H11-5.2-03]**.

 Nhà trường rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện được thể hiện trong báo cáo sơ kết, tổng kết. Liên đội động viên hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn; Hội đồng thi đua khen thưởng kịp thời khen thưởng cho những học sinh có năng khiếu; có thành tích xuất sắc trong học tập **[H11-5.2-02]; [H11-5.2-04]; [H11-5.2-05]**; **[H11-5.2-06]; [H11-5.2-07]; [H1-1.1-06]**.

 **Mức 2:**

 Mỗi năm học, nhà trường có báo cáo kết quả học tập của học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện thông qua báo cáo sơ kết, tổng kết, danh sách khen thưởng. Kết quả đạt được đáp ứng được mục tiêu theo kế hoạch giáo dục của ngành, của nhà trường xây dựng **[H1-1.1-06]; [H11-5.2-01]**.

 **Mức 3:**

Trong các năm học, nhà trường đều thành lập đội tuyển học sinh giỏi tham dự kỳ thi các cấp của ngành đề ra. Nhiều học sinh tham gia dự thi đạt học sinh giỏi văn hóa, thể thao, nghệ thuật cấp huyện, cấp tỉnh. Có HS đạt giải huyện, giải tỉnh trong cuộc thi KHKT do ngành tổ chức. Có danh sách công nhận, giấy khen các cấp có thẩm quyền **[H11-5.2-05]***.*

 **2. Điểm mạnh**

Trong các năm học qua, nhà trường đã thực hiện tốt việc xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Nhà trường còn có đội ngũ cán bộ giáo viên tâm huyết, tận tụy với các em học sinh; thực hiện kịp thời, hiệu quả công tác phối hợp trong giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn; học sinh năng khiếu TDTT; học sinh giỏi các môn văn hóa vì vậy chất lượng giáo dục được duy trì khá ổn định trong từng năm học.

**3. Điểm yếu**

Hoạt động phụ đạo học sinh yếu chưa đạt kết quả cao, công tác bồi dưỡng học sinh giỏi một số môn hiệu quả còn thấp. Sân bãi phục vụ cho luyện tập còn đang trong quá trình quy hoạch chưa được sử dụng khó khăn trong việc bồi dưỡng học sinh năng khiếu TDTT.

Một số học sinh do cha mẹ đi làm ăn xa, thiếu người quản lý nên thiếu ý thức tu dưỡng, một bọ phận khác bị thanh niên chậm tiến ngoài xã hội lôi kéo nên có biểu hiện tiêu cực, vi phạm nội quy… nên phải rèn luyện trong hè.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nhà trường tiếp tục phát huy những thế mạnh khắc phục những hạn chế để nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;

Xây dựng kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu thật chi tiết và tổ chức thực hiện có hiệu quả;

GVCN tìm hiểu nắm bắt rõ hoàn cảnh gia đình, tính nết của từng học sinh; đặc biệt là những học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh cá biệt để có biện pháp giáo dục phù hơp;

GV các bộ môn có kế hoạch dạy học phù hợp để phát hiện những học sinh có năng khiếu từ đó có biện pháp bồi dưỡng, giáo dục phát huy tối đa khả năng và tài năng của các em;

Nhà trường phối hợp chặt chẽ với Ban đại diện CMHS, phối hợp với các tổ chức, cá nhân, đơn vị và địa phương để thu hút những nguồn tài trợ ủng hộ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn; khen thưởng, động viên, hỗ trợ học sinh năng khiếu và có thành tích.

Tham mưu nhiều hơn nữa cho cấp trên để có thể có đầy đủ cơ sở vật chất phục vụ tốt nhất cho các hoạt động học tập của các em.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 1:

 a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;

 b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;

 c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

 Mức 2:

 Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn tự luận với thực tiễn.

 **1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

 Nhà trường đã thực hiện tốt việc lồng ghép chương trình giáo dục địa phương theo quy định của cấp trên vào nội dung bài dạy ở các bộ môn: Ngữ văn; Lịch sử; Địa lí; Âm nhạc. Các tiết học bố trí còn cách xa nhau nhiều **[H11-5.3-02]**.

 Tổ chức thực hiện kiểm tra, đánh giá các nội dung giáo dục địa phương theo quy định của Bộ GDĐT. Tích hợp nội dung giáo dục địa phương vào các bài kiểm tra định kỳ, tuy nhiên kết quả một số môn chưa được cao vì kiến thức còn khó, trừu tượng **[H11-5.3-03]**.

 Nhà trường đã thực hiện tốt việc bám sát chương trình giáo dục địa phương thông qua bộ tài liệu giáo dục địa phương của Sở Giáo dục và đào tạo Đắk Lắk ban hành. Trường tổ chức rút kinh nghiệm về thực hiện nội dung giáo dục địa phương ,tham gia góp ý bổ sung, cập nhật tài liệu và báo cáo về tình hình thực hiện nội dung giáo dục địa phương; có rà soát, đánh giá hoạt động giáo dục địa phương **[H11-5.3-04]**.

 **Mức 2:**

Nhà trường đã kết hợp dạy học trên lớp với tổ chức tham quan thực tế, sưu tầm tư liệu, ngoại khoá nhằm tạo hứng thú học tập, nâng cao hiểu biết về văn hoá, lịch sử, kinh tế - xã hội địa phương cho học sinh **[H7-2.2-11]**. Trường và các tổ chuyên môn đánh giá, rà soát và đề xuất liên quan đến các nội dung giáo dục địa phương. **[H11-5.3-04]** Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn kết chặt chẽ lý luận với thực tiễn của địa phương **[H11-5.3-02]**.

**2. Điểm mạnh**

 Nhà trường được trang bị đầy đủ bộ tài liệu giáo dục địa phương, công văn hướng dẫn sử dụng bộ tài liệu trên do Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Lắk ban hành. Có đủ giáo viên, cơ sở vật chất đảm bảo để giảng dạy chương trình giáo dục địa phương.

 Các tổ chuyên môn đã triển khai kịp thời, đồng bộ nội dung giáo dục địa phương vào giảng dạy theo chủ đề phù hợp.

 Thực hiện kiểm tra đánh giá có lồng ghép Chương trình giáo dục địa phương cụ thể; rõ ràng trong kiểm tra thường xuyên và các bài kiểm tra định kỳ.

Dựa vào kết quả kiểm tra đánh giá cuối mỗi học kì, năm học, kiến thức địa phương được các em lĩnh hội tương đối tốt. Bên cạnh đó, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, giúp các em cập nhật được những kiến thức nhanh nhất, mới nhất phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương mình, từ đó các em biết vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

**3. Điểm yếu**

Số lượng tiết học địa phương còn ít, lại cách xa nhau nên việc tổng hợp để vận dụng đôi lúc còn khó khăn.

Nội dung kiến thức địa phương trong SGK một số bài kiến thức còn hơi trừu tượng.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Các tổ chuyên môn tăng cường sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học về Chương trình giáo dục địa phương để trao đổi kiến thức; bồi dưỡng cho GV giảng dạy các bộ môn: Ngữ văn; Lịch Sử; Địa lí; Âm nhạc…

 Lập kế hoạch và dự trù kinh phí chi cho các hoạt động ngoại khóa chương trình giáo dục tại địa phương.

 Trong những năm tới, lựa chọn nội dung kiến thức cần phù hợp với từng đối tượng HS, các tiết học cần bố trí gần nhau để dễ dàng liên hệ vận dụng.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1:

 a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;

 b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;

 c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

 Mức 2:

 a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;

 b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

 **1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

 Nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, dạy học hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường **[H12-5.4-01]; [H12-5.4-04]**.

 Nhà trường đã tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được học sinh  hưởng ứng và tham gia tích cực **[H9-4.2-03]*;* [H12-5.5-03]**.

 Để tổ chức các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp giúp cho học sinh vận dụng vào đời sống hàng ngày đối với bản thân và có những định hướng nghề nghiệp phù hợp với tương lai, nhà trường đã phân công, huy động các giáo viên trong nhà trường cùng tham gia các hoạt động trải nghiệm cùng với các em học sinh **[H12-5.4-05]; [H12-5.4-04]***.*

 **Mức 2:**

 Nhà trường đã tổ chức được các hoạt động trải nghiệm với các hình thức phong phú, phù hợp với HS, giúp các em ngoài học tập ở trên lớp còn được trải nghiệm từ thực tế cuộc sống, để các em có những định hướng nghề nghiệp tương lai phù hợp với bản thân và hoàn cảnh gia đình mình và đã đạt được một số kết quả. Thế nhưng, việc tổ chức tham quan trải nghiệm còn hạn chế, chưa đủ điều kiện để HS được trải nghiệm thường xuyên **[H9-4.2-03]*;* [H12-5.4-02]**.

 Sau các đợt tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, nhà trường thực hiện rà soát, đánh giá định kỳ việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp **[H12-5.4-02]***.*

 **2. Điểm mạnh**

 Nhà trường thực hiện tốt việc xây dựng Kế hoạch hoạt động trải nghiệm; hướng nghiệp và triển khai tổ chức thực hiện khá hiệu quả, phù hợp với tình hình kinh tế địa phương, được học sinh yêu thích.

 Công tác phối hợp với các tổ chức đoàn thể tham gia các hoạt động trải nghiệm cùng học sinh mang lại ý nghĩa giáo dục và tính nhân văn sâu sắc về tình thầy trò trong môi trường giáo dục của nhà trường.

Các thầy cô GVCN đều có trách nhiệm cao trong công việc, tận tâm với học trò, quan tâm, chăm sóc, chỉ bảo, chú trọng đến việc giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh. Học sinh hào hứng trong các hoạt động trải nghiệm và tích cực học hỏi. Tất cả học sinh đều tham gia học hướng nghiệp.

  **3. Điểm yếu**

 Các ngành nghề tại địa phương chưa phát triển mạnh, đa số còn mang tính sản xuất nhỏ, lẻ nên khi giới thiệu về ngành nghề truyền thống của địa phương chưa có sức thu hút.

 Một số học sinh còn bộc lộ nhiều điểm yếu trong giao tiếp, ứng xử, đặc biệt trong các buổi giao lưu, nhiều học sinh còn thiếu kỹ năng phân tích và trả lời câu hỏi, thiếu kỹ năng đặt câu hỏi, còn yếu về tư duy phản biện.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

 Trong các hoạt trải nghiệm cần chú ý lồng ghép thêm các kỹ năng cho học sinh như: Kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, rèn tư duy phản biện,...

Tăng cường tuyên truyền cho học sinh và phụ huynh thấy tầm quan trọng của việc học hướng nghiệp, học tập cấp trung học phổ thông và lựa chọn nghề nghiệp phù hợp sau khi các em học sinh sau khi tốt nghiệp cấp THCS.

Nhà trường tổ chức các cuộc trải nghiệm để các em có cơ hội phát huy kĩ năng giao tiếp, ứng xử, tư duy phản biện.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

Mức 1:

 a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

 b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

 c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và tuyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

 Mức 2:

 a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;

 b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

 Mức 3:

 Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

 **1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

 Nhà trường luôn xem việc rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh là nhiệm vụ quan trọng của mỗi năm học nên trong các năm nhà trường đều có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh**[H13-5.5-01]**.

 Ngoài việc giáo dục kĩ năng sống cho học sinh thông qua các môn học chính khóa, nhà trường còn tổ chức cho các em học sinh tham gia trải nghiệm tại Nhà đày Buôn Ma thuột, thăm viếng nghĩa trang liệt sĩ Huyện CưM'gar. Trong tiết sinh hoạt dưới cờ lồng ghép tuyên truyền măng non về các chủ đề: An toàn giao thông, phòng tránh tai nạn thương tích đuối nước cho học sinh, giáo dục giới tính… Nhờ công tác tuyên truyền của nhà trường, trong các năm học vừa qua nhà trường không có học sinh vi phạm an toàn giao bị xử phạt hành chính theo quy định của pháp luật, không có học sinh đuối nước... **[H6-1.10-01]; [H12-5.4-01] ; [H13-5.5-06]**.

 Nhà trường đã xây dựng và thực hiện các quy định về ứng xử văn hoá trong nhà trường, nhằm xây dựng cho học sinh thói quen sống hợp tác, ứng xử có văn hóa, có ý thức tôn trọng và bảo vệ môi trường.Đầu năm học, Hiệu trưởng đã chỉ đạo cho giáo viên chủ nhiệm tổ chức cho học sinh học tập điều lệ trường phổ thông, nội quy nhà trường. Thông qua quá trình giáo dục kỹ năng sống cho học sinh: Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam **[H13-5.5-04]; [H13-5.5-05]; [H5-5.5-06]**.

 **Mức 2:**

 Nhà trường có quan tâm đến việc hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện kỹ năng sống. Hàng năm các giáo viên có biện pháp, định hướng cho học sinh tự đánh giá kết quả học tập của mình thông qua các hoạt động trải nghiệm, các hoạt động giáo dục hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng. Từ đó học sinh nhận thấy kết quả đạt được của mình để đề ra hướng rèn luyện trong thời gian tới. **[5.1-07];** **[H1-1.1-06]***.*

 Thông qua các nội dung học tập, các buổi sinh hoạt, các hoạt động ngoài giờ lên lớp, các buổi sinh hoạt chuyên đề học sinh vận dụng vào đời sống hàng ngày đối với bản thân mình. Từ đó các em hình thành kĩ năng cho riêng mình đồng thời giúp đỡ bạn bè cùng hoàn thiện bản thân và có những kĩ năng, hành động đúng đắn trong học tập và trong cuộc sống. Tuy nhiên một số học sinh còn thụ động, rụt rè chưa mạnh dạn trong giao tiếp, kĩ năng giao tiếp trước đám đông còn hạn chế, chưa có sự sáng tạo đột phá trong việc hình thành sản phẩm khoa học**[H2-1.4-04]; [1.5-02]**.

 **Mức 3:**

 Nhà trường xây dựng kế hoạch; động viên GV hướng dẫn HS tham gia cuộc thi sáng tạo khoa học kỹ thuật cấp trường, huyện, tỉnh. Qua đó, bồi dưỡng và khơi dậy niềm đam mê nghiên cứu khoa học nơi các em, tạo điều kiện cho các em vận dụng các kiến thức học được vào thực tiễn cuộc sống, bước đầu hình thành khả năng nghiên cứu khoa học dưới sự hướng dẫn trực tiếp của các thầy, cô giáo tâm huyết trong nhà trường **[H7-2.2-07]**.

 **2. Điểm mạnh**

 Nhà trường đã thực hiện các hoạt động thu hút được sự tham gia nhiệt tình của giáo viên và học sinh qua đó rèn cho các em kỹ năng tự tin trình bày ý kiến trước đám đông, làm việc nhóm hiệu quả... Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục.

 Đã hình thành ở học sinh các kỹ năng sống phù hợp với yêu cầu của thời đại hiện nay; có đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và tuyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

**3. Điểm yếu**

Một số ít học sinh còn e dè, nhút nhát, khi giao tiếp còn lúng túng, ứng xử còn chậm.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, nhà trường sẽ chỉ đạo GVCN sát sao hơn để có biện pháp giúp đỡ các em học sinh chưa mạnh dạn, tổ chức thường xuyên hơn các hoạt động tập thể cho học sinh tham gia như: Tổ chức các hoạt động thi văn nghệ vào các ngày lễ; tổ chức Hội khỏe phù đổng các môn TDTT; Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu lịch sử địa phương, lịch sử quê hương đất nước; Tổ chức lao động tập thể, trồng cây xanh, vệ sinh môi trường, chăm sóc nghĩa trang liệt sĩ….;

Nhà trường thường xuyên tổ chức các cuộc thi: KHKT, hùng biện... có quy mô từ nhỏ đến lớn để học sinh có cơ hội giao lưu, hình thành cho mình những kĩ năng cần thiết cho cuộc sống sau này.

Tăng cường hoạt động của ban đại diện CMHS các lớp để phối hợp chặt chẽ hơn với gia đình học sinh, giúp các em thêm tự tin hơn trong cuộc sống.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1:

 a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

 b) Tỉ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

 c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

 Mức 2:

 a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;

 b) Tỉ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

 Mức 3:

1. Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:

 -Tỉ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên.

- Tỉ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên.

- Tỉ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên.

- Tỉ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên.

- Tỉ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém.

- Tỉ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém.

- Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỉ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

- Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên;

1. Tỉ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

- Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

- Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

 **1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

 Trong năm học vừa qua, kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường đề ra cụ thể như sau:

Căn cứ ở thông tin tại minh chứng tổng hợp chất lượng giáo dục thể hiện số lượng và bảng biểu:

Tỉ lệ về học lực: Giỏi: 10,49%; khá: 41,96%; trung bình 47,55%. Tỷ lệ về hạnh kiểm: Tốt: 83,92%; Khá: 11,89%, trung bình 4,2% (đối với học sinh lớp 9) **[H14-5.6-03]**.

 Tỉ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường trong những năm học vừa qua như sau: Tỉ lệ học sinh lên lớp thẳng đạt 97.5%; Tỉ lệ học sinh tốt nghiệp THCS đạt 100%. Vẫn còn HS chưa đạt sau thi lại **[H14-5.6-01]; [H10-5.1-02]**.

 Dựa vào kết quả học tập của học sinh cuối kì, cuối năm nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém, xây dựng kế hoạch và tổ chức ôn tập trong hè, tổ chức thi lại cho học sinh có học lực yếu **[H14-5.6-04]; [H10-5.1-09]; [H10-5.1-02]***.*

 **Mức 2:**

 Kết quả về học lực, hạnh kiểm của học sinh, có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá. Chất lượng giáo dục hai mặt duy trì ở mức ổn định **[H14-5.6-03]**.

 Tỉ lệ học sinh lên lớp thẳng tăng dần theo hàng năm tính đến cuối năm học 2023-2024 tỉ lệ lên lớp đạt 97% **[H14-5.6-03]; [H14-5.6-01]**.

 **Mức 3:**

 Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh năm 2023-2024: Tỉ lệ về học lực: Giỏi: 10,49%; khá: 41,96%; trung bình 47,55%. Tỷ lệ về hạnh kiểm: Tốt: 83,92%; Khá: 11,89%, trung bình 4,2% Vẫn còn một số học sinh chưa ngoan **[H7-2.4-01]; [H14-5.6-02];** **[H10-5.1-03]***.* [H7-2.4-01]

 Tỉ lệ học sinh bỏ học 2.2%, học sinh lưu ban không quá 2% không đạt kế hoạch nhà trường đề ra vào đầu năm học **[H14-5.6-02]**.

 **2. Điểm mạnh**

 Lãnh đạo nhà trường rất chú trọng, quan tâm đến chất lượng giáo dục. Có nhiều biện pháp triển khai đến các tổ chuyên môn, giáo viên làm tốt công tác phối hợp và tinh thần trách nhiệm đối với nâng cao chất lượng dạy và học ở mỗi năm học.

Đa số GV trong nhà trường có sự năng động, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ nâng cao chất lượng giáo dục hai mặt để hoàn thành chỉ tiêu đăng kí từ đầu năm học.

Phần lớn học sinh có ý thức rèn luyện, học tập tốt. Đảm bảo chất lượng đại trà về hạnh kiểm và học lực ở mỗi năm học.

**3. Điểm yếu**

Do trường đóng trên địa bãn xã vùng sâu, đa phần con em nhà nông, điều kiện kinh tế khó khăn nên việc quan tâm, đầu tư tới việc học còn hạn chế, dẫn đến vẫn còn học sinh có hạnh kiểm trung bình và học lực yếu phải ở lại lớp.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, nhà trường sẽ tiếp tục đổi mới công tác quản lý và nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên trực tiếp giảng dạy theo hướng dạy học theo chuẩn kiến thức kỹ năng, bám sát đối tượng và đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá. Thực hiện tốt các nội dung của phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực” tạo dựng môi trường học tập lành mạnh, năng động cho học sinh.

 Nhà trường chú trọng công tác bồi dưỡng học sinh để có số lượng học sinh đạt giải trong kỳ thi học sinh giỏi các cấp nhiều hơn, nhiều giải cao hơn. Nhà trường có kế hoạch đầu tư sách tham khảo để giáo viên tự học, tự bồi dưỡng nhằm nâng cao tŕnh độ chuyên môn nghiệp vụ.

Nhà trường tiếp tục phát huy những thế mạnh khắc phục những hạn chế để nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;

Xây dựng kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu thật chi tiết và tổ chức thực hiện có hiệu quả;

GVCN tìm hiểu nắm bắt rõ thoàn cảnh gia ðình, tính nết của từng học sinh; đặc biệt là những học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh cá biệt để có biện pháp giáo dục phù hơp; giảm thiểu tỉ lệ học sinh bỏ học.

Giáo viên các bộ môn có kế hoạch dạy học phù hợp để phát hiện những

học sinh có năng khiếu từ đó có biện pháp bồi dưỡng, giáo dục phát huy tối đa khả năng và tài năng của các em;

Nhà trường phối hợp chặt chẽ với Ban đại diện CMHS, phối hợp với các tổ chức, cá nhân, đơn vị và địa phương để thu hút những nguồn tài trợ ủng hộ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn; khen thưởng, động viên, hỗ trợ học sinh năng khiếu và có thành tích.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2

**Kết luận** **về Tiêu chuẩn 5:**

Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của chính quyền địa phương, Phòng GDĐT thông qua hệ thống các văn bản, Nghị quyết, kế hoạch để tổ chức hoạt động nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ từng năm học. Chính vì thế, nhà trường đã khẳng định vị trí của mình trong nhiều năm qua về chất lượng giáo dục, được chính quyền địa phương và các bậc phụ huynh tin tưởng. Để giữ vững niềm tin đó, nhà trường luôn không ngừng cố gắng giữ vững vị thế của mình cũng như khắc phục những hạn chế còn bất cập. Nhà trường mạnh dạn nêu lên những điểm mạnh nổi bật, những điểm yếu cơ bản về các hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục như sau:

**Điểm mạnh:**

Trong những năm qua nhà trường không ngừng đổi mới về phương pháp giáo dục để giúp học sinh phát triển toàn diện. Kết quả chất lượng giáo dục của nhà trường hằng năm đã tăng cả về số lượng và chất lượng, đã có học sinh đạt giải trong các kì thi chọn học sinh giỏi các cấp. Học sinh của trường hằng năm được tham gia nhiều các hoạt động tập thể, hoạt động xã hội do vậy các em được rèn luyện kĩ năng sống, ngày càng tự tin hòa đồng với xã hội, luôn có khát vọng vươn lên.

Phần lớn học sinh trong trường chăm ngoan, nhiều GV trẻ, khỏe, năng nổ, nhiệt tình trong công tác giảng dạy, có trình độ chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm tốt. Hầu hết các lớp trong nhà trường đều nêu cao tinh thần thi đua học tập kết quả là tỷ lệ học sinh ngoan, học lực khá trở lên cao. Phần lớn GV có tinh thần học hỏi, tìm tòi kiến thức thông tin để phục vụ cho việc giảng dạy đặc biệt là công tác bồi dưỡng HS giỏi các cấp. Chính vì vậy trong những năm qua, số lượng HS giỏi các cấp tăng lên dần.

**Điểm yếu:**

Việc thực hiện kế hoạch từng môn học diễn ra chưa đồng đều, cơ cấu tổ chức đội ngũ giáo viên trong nhà trường chưa cân đối ở các môn học dẫn tới việc phân công giảng dạy, thực hiện kế hoạch giáo dục đôi lúc gặp khó khăn. Bên cạnh đó một số học sinh chưa có ý thức trong học tập cao, việc chủ động trong lĩnh hội kiến thức còn thấp nên chưa đạt được chỉ tiêu đưa ra.

***+ Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn: 6***

***+ Số tiêu chí đạt: 06***

***+ Số tiêu chí không đạt: 0***

* Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
	+ Không đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0 %
	+ Đạt Mức 1: 6/6 (6/6) tiêu chí chiếm 100 %
	+ Đạt Mức 2: 6/6 (6/6) tiêu chí chiếm 100 %
	+ Đạt Mức 3: 5/6 (3/4) tiêu chí chiếm 83,33%

**II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4**

**Khoản 1, điều 22**: Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định, phù hợp và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

**1. Mô tả hiện trạng**

Trong việc xây dựng kế hoạch giáo dục, nhà trường luôn bám sát văn bản chỉ đạo của cấp trên về công tác dạy và học. Tuy nhiên, trong kế hoạch giáo dục chưa có những nội dung được tham khảo từ chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã bám sát các văn bản chỉ đạo của Phòng GDĐT Cư M’gar để xây dựng Kế hoạch giáo dục phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị, cập nhật thường xuyên những chỉ đạo của Sở GDĐT Đắk Lắk để kịp thời cập nhật những vấn đề mới.

**3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa cập nhật, chưa tham khảo những nội dung chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định, phù hợp để góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2020 – 2021 và những năm học tiếp theo nhà trường sẽ cập nhật, tham khảo những nội dung chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định, phù hợp để góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

**5. Tự đánh giá:** Không đạt

**Khoản 2, điều 22**: Đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.

**1. Mô tả hiện trạng**

Nhà trường đã quan tâm, giúp đỡ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, tạo điều kiện cho các em được đến trường, thông qua các hoạt động của Liên Đội như hỗ trợ cho học sinh nghèo, học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh khó khăn biết vươn lên trong học tập **[5.2-06]; [H11-5.2-07]**

Hàng năm, nhà trường có kế hoạch tuyển chọn học sinh có năng khiếu vào đội tuyển học sinh giỏi đề bồi dưỡng, tạo điều kiện cho học sinh phát huy năng lực trong quá trình học tập **[H14-5.6-03]**

Tuy nhiên, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân còn thấp.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân có liên quan.

**3. Điểm yếu**

Tỷ lệ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân còn thấp, chưa đạt tỷ lệ theo yêu cầu chung (mới đạt khoảng 80%)

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2020 -2021 và các năm học tiếp theo, nhà trường phấn đấu đạt 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.

**5. Tự đánh giá:** Không đạt

**Khoản 3, điều 22**:: Nhà trường tại địa bàn vùng khó khăn có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn. Nhà trường các vùng còn lại có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn được cấp thẩm quyền ghi nhận.

**1. Mô tả hiện trạng**

Hàng năm nhà trường đều phát động, phổ biến cuộc thi nghiên cứu khoa học kĩ thuật dành cho học sinh cấp THCS. Bình quân hàng năm có 2 sản phẩm của học sinh dự thi cấp trường, trong đó bình quân có 01 sản phẩm dự thi cấp huyện đạt giải/năm. Riêng năm học 2019 – 2020 có sản phẩm đạt giải khuyến khích cấp tỉnh và năm học 2020 - 2021 có 01 sản phẩm đạt giải ba cấp huyện **[H7-2.2-06]; [H7-2.2-05]; [H7-2.2-07]**

**2. Điểm mạnh**

Cán bộ quản lý nhà trường luôn quan tâm, khuyến khích và tạo điều kiên thuận lợi cho giáo viên và học sinh tham gia nghiên cứu khoa học kĩ thuật, vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn; Việc sử dụng công nghệ thông tin để đổi mới phương pháp dạy học trong đội ngũ giáo viên và học sinh được thường xuyên áp dụng.

**3. Điểm yếu**

Tính chủ động trong việc xây dựng kế hoạch, phát động cuộc thi chưa kịp thời, còn bị động. Số lượng sản phẩm khoa học kĩ thuật đạt giải chưa nhiều, chưa có sự tích cực tham gia của động bộ các lĩnh vực, chưa có sản phẩm đạt giải được ứng rộng rãi trong cuộc sống.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo nhà trường sẽ chủ động trong việc xây dựng kế hoạch, phát động cuộc thi khoa học kĩ thuật dành cho học sinh THCS một cách kịp thời, rộng rãi ngay từ đầu của năm học trước. Tổ chức chấm để lựa chọn, tư vấn, cử giáo viên hướng dẫn một cách hiệu quả cao hơn.

**5. Tự đánh giá:** Đạt

**Khoản 4, điều 22**:: Thư viện có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế. Thư viện có kết nối Internet băng thông rộng, có mạng không dây, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

Nhà trường có thư viện được trang bị một số đầu sách nhằm phục vụ nhu cầu đọc, tìm kiếm tài liệu của học sinh và các thầy cô giáo **[3.6-01]**

**2. Điểm mạnh**

BGH nhà trường luôn quan tâm đến công tác thư viện, hàng năm đều đầu tư kinh phí bổ sung sách mới, đáp ứng nhu cầu bạn đọc. Thư viện được bố trí ở phòng rộng rãi, thoáng mát; có bàn ghế để phục vụ người đọc.

**3. Điểm yếu**

Thư viện chưa có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế. Thư viện chưa có kết nối Internet băng thông rộng, chưa có mạng không dây. Nên chưa đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo, nhà trường từng bước đầu tư cho phòng thư viên có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế. Thư viện có kết nối Internet băng thông rộng, có mạng không dây, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** Không đạt

**Khoản 5, điều 22**:: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

Từ năm học 2021-2022 sau khi được công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia, nhà trường luôn phấn đấu hoàn thành các mục tiêu đề ra, luôn đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc, hiệu quả giáo dục được nâng cao. Tuy vậy, Trong những năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường chưa hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

**2. Điểm mạnh**

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường đã hoàn thành một số các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.(đã hoàn thành được 2/5 chiến lược)

**3. Điểm yếu**

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường còn 3/5 chỉ tiêu chưa đạt trong phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.(đã hoàn thành được 2/5 chiến lược.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2024-2025 và các năm tiếp theo, nhà trường phấn đấu để hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** Không đạt

**Khoản 6, điều 22**: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và công đồng ghi nhận.

**1. Mô tả hiện trạng**

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, kết quả giáo dục và các hoạt động giáo dục của nhà trường có những thành tích đáng tự hào trong các hoạt động giáo dục, thể dục thể thao hay công tác đội. Tuy nhiên, chất lượng giáo dục cũng chưa thật sự ổn định và bền vững.

**2. Điểm mạnh**

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường đã có 01 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng.

**3. Điểm yếu**

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng nhưng chưa đạt yêu cầu và chưa được cấp có thẩm quyền công nhận.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo, nhà trường phấn đấu có ít nhất02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và công đồng ghi nhận.

**5. Tự đánh giá:** Không đạt

**Kết luận:**

Hàng năm, nhà trường đều xây dựng kế hoạch giáo dục khá phù hợp với điều kiện thực tế và nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Thư viện nhà trường có nguồn tài liệu truyền thống, phong phú về đầu sách, tài liệu tham khảo; có kết nối mạng Internet và đáp ứng yêu cầu cập nhật phần mềm và các hoạt động tra cứu của nhân viên phụ trách thư viện.

 Kế hoạch giáo dục của nhà trường chưa có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định. Chưa đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân. Chất lượng giáo dục chưa đồng đều, kết quả nghiên cứu khoa học chưa cao.

* Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:
	+ Không đạt: 5/6 tiêu chí chiếm 83.3%
	+ Đạt: 1/6 tiêu chí chiếm 16,7%

**Phần III. KẾT LUẬN CHUNG**

 Trên đây là toàn bộ báo cáo tự đánh giá một cách liên tục trong suốt quá trình làm việc của tập thể CBGVNV nhà trường mà tiêu biểu là các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá. Báo cáo tự đánh giá của trường được hoàn thành là thành quả của quá trình lao động không ngừng, sự tập trung trí tuệ, sự đồng tâm hiệp lực cùng quyết tâm vượt khó để hoàn thành nhiệm vụ tự đánh giá chất lượng giáo dục, để khẳng định những thành quả to lớn trong quản lý nhà trường, trong hoạt động giáo dục toàn diện. Nhằm không ngừng nâng cao CLGD, khẳng định vị thế và uy tín của một trường chuẩn quốc gia, nhà trường sẽ không ngừng phát huy những điểm mạnh, cải thiện điểm yếu ở mỗi tiêu chí của tiêu chuẩn. Xem lại toàn bộ các tiêu chuẩn, các tiêu chí và chỉ số của Bộ GDĐT về tiêu chuẩn đánh giá trường THCS đã được Bộ GDĐT ban hành, chúng ta càng thấy được sự tỉ mỉ, chi tiết, toàn diện và khoa học của bộ “thước đo” này. Do vậy cơ sở giáo dục nào muốn tự đánh giá để công nhận đạt chất lượng giáo dục thì đơn vị đó phải có chất lượng thực sự “chuẩn”. Trong suốt quá trình tự đánh giá, theo 5 tiêu chuẩn mà Bộ GDĐT đã ban hành, tập thể CB, GV, NV, học sinh và phụ huynh trường THCS Nguyễn Huệ hết sức tự hào bởi những thành quả mà nhà trường đã xây dựng và đạt được trong những năm qua:

 Về công tác quản lý và tổ chức nhà trường: Trong mỗi năm học nhà trường đều có tầm nhìn chiến lược trong việc xây dựng và phát triển, có môi trường đảm bảo an ninh trật tự, an toàn, thân thiện, có đầy đủ các tổ chức, có sự quản lý và thực hiện các hoạt động hiệu quả, góp phần quan trọng vào mục tiêu xây dựng nhà trường phát triển bền vững.

 Về chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên, nhân viên: Nhà trường có đội ngũ CBQL, GV, NV đủ điều kiện và năng lực để triển khai tốt các hoạt động giáo dục mỗi năm học.Tất cả đều có lối sống trong sáng, lành mạnh, có năng lực chuyên môn tốt, luôn tận tụy, nhiệt tình với công việc; có tinh thần tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau ở mọi lĩnh vực

Về công tác quản lý tài chính và CSVC: Trường được trang bị khá đầy đủ về cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học cho các em. Chính vì vậy, đã thực hiện quản lý tài chính theo quy định và huy động khá hiệu quả các nguồn kinh phí hợp pháp để xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị phục vụ các hoạt động giáo dục.

Việc thực hiện các chương trình và hoạt động giáo dục: nhà trường luôn thực hiện đầy đủ và nghiêm túc chương trình giáo dục và kế hoạch dạy học củacác ban ngành. Bên cạnh đó, trường còn chú trọng công tác giáo dục kỹ năng sống cho học sinh, nhằm trang bị cho các em những kỹ năng tối thiểu để bước vào cuộc sống. Sự phối hợp giữa nhà trường với phụ huynh học sinh và kết quả giáo dục học sinh là tiêu chuẩn phản ánh chính xác, khách quan nhất CLGD của nhà trường. Trong những năm qua tỷ lệ HS giỏi, HS tiên tiến luôn duy trì ở mức ổn định. Đó thực sự là nguồn động viên, là niềm tự hào của của mỗi thầy, cô giáo và học sinh khi được giảng dạy và học tập ở mái trường này. Điều đó đã nâng cao uy tín và CLGD của nhà trường.

Bên cạnh những điểm mạnh cần được phát huy, nhà trường vẫn còn tồn tại điểm yếu như: một số hạng mục công trình, CSVC đã xuống cấp, chưa có hệ thống xử lý nước sạch phục vụ cho nhu cầu sử dụng của viên chức và học sinh, khu sân chơi bãi tập đảm bảo diện tích tuy nhiên còn thiếu thốn về trang thiết bị giáo dục thể chất cho học sinh vui chơi, rèn luyện thân thể. Đại bộ phận người dân làm nông nên chưa mạnh dạn tham gia đóng góp ý kiến vào việc xây dựng phương hướng chiến lược phát triển chung của nhà trường, phụ huynh chưa dành nhiều thời gian quan tâm đến việc học của các em, vì vậy tỉ lệ học sinh bỏ học còn cao. Bên cạnh đó, vẫn còn số ít đảng viên sức chiến đấu chưa cao, còn vi phạm.

Đối chiếu với các thành quả về hoạt động giáo dục mà nhà trường đã đạt được trong những năm qua với Bộ tiêu chuẩn đánh giá trường THCS được Bộ GDĐT ban hành. Trong quá trình tự đánh giá nhà trường đã đạt được những kết quả cụ thể về các tiêu chí và chỉ số như sau:

***+ Tổng số tiêu chí: 28***

***+ Số tiêu chí đạt: 28***

***+ Số tiêu chí không đạt: 0***

* Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
	+ Không đạt: 0/28 tiêu chí chiếm 0 %
	+ Đạt Mức 1: (28/28) (28/28) tiêu chí chiếm 100 %
	+ Đạt Mức 2: (28/28) (28/28) tiêu chí chiếm 100 %
	+ Đạt Mức 3: (24/28) (16/20) tiêu chí chiếm 80 %
* Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:
	+ Không đạt: 5/6 tiêu chí chiếm 83,3 %
	+ Đạt: 1/6 tiêu chí chiếm 16,7 %

Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá CLGD và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục mầm non, giáo dục cơ sở, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên của BGDĐT. TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NGUYỄN HUỆ tự đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục mức độ 2 và đạt trường chuẩn Quốc Gia mức độ 1. Kính đề nghị đoàn kiểm tra đánh giá ngoài xem xét và công nhận nhà trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục mức độ 2 và đạt trường chuẩn Quốc Gia mức độ 1 giai đoạn 2021-2026.

 *Ea M’nang, ngày 08 tháng 06 năm 2024*

 **HIỆU TRƯỞNG**

 **Lê Hoài Sơn**